

THU QUA LẠNG LẼ NỖI BUỒN

* Nhạc và Lời thơ: VŨ THÁI HÒA

The musical score is written in 3/4 time with a key signature of one flat (B-flat). It begins with an 'Introduction' section. The lyrics are presented in three numbered versions (1, 2, 3) for different vocal parts. The score includes various musical notations such as triplets, repeat signs, and dynamic markings like 'FINE' and '(HẾT)'. The lyrics are written in Vietnamese and are placed below the corresponding musical staves.

Introduction

1. Thu đến nơi này, anh có
2. Sơn phần bây giờ quên mất
3. Phố vắng anh rồi, mưa vẫn

hay ? - Ngoài kia lá đỏ, trời heo may
mỗi - vàng phai cơn mộng, tình ngàn đời
rời - Đường quen hieu quạnh, buồn xa xôi

- Sương mù cuối nẻo, chân trời tím - Em ở nơi
- Phố buồn, gác lạnh - em một bóng - Ôm mãi ân
- Đâu rồi tháng ngày thơ mộng ấy! - Lá khóc xa

1. này nghe đắng cay ! FINE
tình trên mắt... môi. - Thu nhớ thương
cảnh, mây biếng... trôi ./ (HẾT)

ai ? - sao lá rơi ! - khung trời ngày đó, lệ đêm dài

- Gối chán hôn dỗi, trắng non dợi - Hỏi người hôm nào ai chờ

ai ? - Hỏi người hôm nào ai dợi ai ?

MỘT THIẾU NỮ VIỆT NAM LÀM BÍ THƯ RIÊNG CHO PHÓ CHỦ TỊCH LIÊN HIỆP CHÂU ÂU



- Hình chụp Ông Jacques Barrot – Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (ngồi giữa các cộng sự viên của Ông) - (Cô Laurence Vu mặc áo sọc ngang)



Cô : Laurence Vu, Bí thư riêng của Ông Jacques Barrot (Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu)

Người Việt định cư ở Hải Ngoại ngày càng có được những địa vị cao quý và quan trọng tại nước định cư của mình - Đây là thành quả lớn của từng cá nhân và là một Vinh Dự cho người Việt Nam.

Trên trang web của Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (Mr. Jacques Barrot) có giới thiệu một thiếu nữ Việt Nam làm việc cho Cơ Quan này, Đó là cô Laurence Vu,

- Website : Vice-Président de la Commission Européenne

http://ec.europa.eu/commission_barroso/barrot/myteam/default_fr.htm

- Cô Laurence Vu là một người Pháp gốc Việt, là Bí thư riêng của Ông Jacques Barrot - Hiện là Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (Vice-Président de la Commission Européenne),
- Laurence Vu, sinh năm 1977 tại Sài Gòn (Nam Việt Nam), cùng gia đình đến Pháp định cư năm 1984, Cô tốt nghiệp Cử Nhân Hành Chánh tại Pháp và Cao Học tại Hoa Kỳ, - Được nhận vào làm việc tại Commission Européenne từ năm 2002 ,
- Cô Laurence Vu là Ái nữ đầu lòng của Ông Vũ Thái Hòa một Hòa Nhạc sĩ nổi tiếng tại Pháp cũng như VN (Hiện cư ngụ tại Pháp), Ông có tranh lưu giữ trong Viện Bảo Tàng Pháp và tranh của Ông được Cơ Quan Văn Hóa Quốc Tế UNESCO trao tặng Huy Chương Hội Hòa Picasso-Miró (UNESCO) – Ông còn là tác giả nhiều bài Tình Ca, Thánh Ca./.

SOVEREIGN REALTY, INC.

3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm



Xin gọi
DIANA DUYÊN NGUYỄN
Office: (703) 941-3650
Fax: (703) 941-4692
Cell: (703) 598-6374



DIANA DUYÊN NGUYỄN

BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP

VŨ HỐI: 50 NĂM VĂN HỌC & NGHỆ THUẬT

Ngày 2 Tháng Tám, 2009, Harvest Moon, Falls Church, VA

Hải Bằng.HDB

Vũ Hối là một nhà thơ và cũng là một nhà thư họa (viết chữ đẹp bằng kỹ thuật họa) nổi tiếng khắp thế giới và đã mang về vang lại cho nòi giống Việt.

Ngày 2 tháng 8, 2009 là ngày Kỷ Niệm 50 Văn Học & Nghệ Thuật của Nhà Thư Họa Vũ Hối và được tổ chức tại Nhà Hàng Harvest Moon, 1260 Arlington Blvd., Falls Church, VA 22042, lúc 12 giờ trưa.

Thanh phần ban tổ chức gồm:

Lê Tổng Mộng Hoa, Dương Nguyệt Ánh, Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Kiều Thu, Đào Hiếu Thảo & Thuận, Đỗ Hồng Anh, Lê Trọng Lộc, Đoàn Hữu Định, Lý Hiền Tài, Hồng Thủy, Đỗ Trang Mỹ Hạnh Bằng, Phan Khâm, Đặng Nguyên, Minh Phước, Christine Nguyễn, Phong Thu, và Tín Lưu.

Nghệ sĩ góp mặt: **Mỹ Lan – Anh Chí (Cali), Đặng Thế Luân (Maryland), Thúy Vân (Dallas), Thái Hà (Canada), Hoàng Tường (Houston), Thanh Vũ (Cali), Vũ Phong (Louisiana), Tâm Hào**



& Anh Dũng (Virginia), Vũ Á Mỹ (Maryland).

Âm nhạc: *Đàn tranh: Giáo Sư Kim Oanh; Sáo: Thanh Hà, Đào Công Minh; Ban Nhạc: Trần Thạch, Minh Tiến, Dương Hiến; Âm Thanh: Tiến Kèn.*

Sau đây là bài tóm trình về thân thế, sự nghiệp, và khuynh hướng văn học & nghệ

thuật của Vũ Hối do nhà thơ & nhà văn Hải Bằng Hoàng D. Bình biên soạn.

*Dòng đời định mệnh một nhân duyên
Thư họa rồng bay khắp mọi miền
“Không sắc, sắc không” hồn bút mực
Danh tài Vũ Hối Nhất Nam Thiên
Phạm Tấn Trung Chí*

I. Thân Thế

Vũ Hối sinh năm Nhâm Thân, 1932 tại Tam Kỳ, Quảng Nam. Xuất thân là giáo sư Hội Họa (Trường Thủ Đô, Hậu Giang). Một nhà thơ biệt hiệu là Hồng Khôi, hội viên Hội Văn Bút VN và Hội Nhà Văn VN.

Một họa sĩ kiêm nhiếp ảnh gia và là nhà thư họa nổi tiếng thế giới.

Nếu tin vào tướng số thì số của con người nghệ sĩ tài hoa Vũ Hối có ba điểm son: (1) Sinh vào tuổi **Nhâm Thân** (nam

Nhâm, nữ Quý); (2) Lớn lên ở miền đất Quảng Nam mệnh danh là “**địa linh, nhân kiệt**”; và (3) **Có hoa tay trên 10 ngón tay** mà nhà biên khảo Bác Sĩ Lê Văn Lân, Houston, TX, đã nhận ra trên mười ngón tay của anh.

Tuy nhiên, sau năm 1975, Vũ Hối bị Cộng Sản Hà Nội bắt giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và nhà tù Chí Hòa cùng với thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tác giả hai câu thơ đối tài tình:

Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khởi vùng lên mất Tự Do

Vũ Hối bị tra tấn đến hư một con mắt và bị liệt một chân khi được thả bởi vì anh đã không chịu nhận tội gì cả.

Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, Vũ Hối ra khỏi tù và được qua Hoa Kỳ năm 1992.

Hiện nay, đại gia đình gồm 16 người cùng sống chung trong một khu nhà tại thành phố Laurel, Maryland.

Quê hương của Vũ Hối là tỉnh Quảng Nam nổi tiếng là vùng “**địa linh, nhân kiệt**” với nhiều phong cảnh kỳ tú, nhiều hang sâu (Thiên Long Cốc), động thẳm (Động Huyền Không), nhiều chùa chiền cổ kính (Chùa Tam Thai), nhiều huyền thoại về những vị thần đã xuất hiện nơi đây, và nhiều vị hiền tài khoa bảng nổi tiếng xuất thân từ miền đất này.

Sơ Lược Lịch Sử Vùng Đất Quảng Nam

Ca dao có câu:

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Rượu Hồng Đào chưa uống đã say
Bạn về đừng ngủ gác tay
Nơi mô nghĩa nặng, ân dày thì theo

Một chút lịch sử: Vùng đất Quảng Nam xưa kia vốn thuộc dân tộc Chăm, một vương quốc lâu đời và tự chủ từ năm 859 trong khi nước ta giành lại quyền tự chủ năm 939 với Triều Đại Đinh Tiên Hoàng.

Chăm quốc bao gồm 5 tiểu quốc nằm rải rác các vùng Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, Phan Rang, và Ninh Thuận ngày nay. Tuy nhiên, Vương quốc Chăm đã bị mất dần đất qua các triều đại vua chúa VN.

Nếu Vua Lê Đại Hành (thế kỷ 10) là vị vua đầu tiên có chinh chiến với Chiêm Thành thì Vua Lý Thánh Tông (thế kỷ 11) phát động khai mở đất nước xuống phương Nam. Còn các vua Triều Nguyễn (thế kỷ 19) thì coi vùng đất Quang Nam là nơi khởi đầu sự nghiệp nên đã xuống chiếu cho xây dựng và tu bổ các chùa chiền, hang động, và các di tích Chăm cổ xưa.

Năm 1307, sau khi Vua Chiêm là **Chế Mân** dâng hai **châu Ô** và **châu Rí** (Lý) làm sính lễ cưới **Công Chúa Huyền Trân**, con của Vua **Trần Nhân Tông**. Châu Ô đổi tên thành **Thuận Châu** (phía bắc đèo Hải Vân); Châu Rí đổi tên thành **Hóa Châu** (phía nam đèo Hải Vân). Nhưng sau đó, con cháu Chế Mân nhiều lần khơi chiến đò lại hai Châu Ô và Rí vì Công Chúa Huyền Trân đã trốn về nước sau khi Vua Chiêm qua đời.

Tới năm 1470, Vua **Lê Thánh Tông** dẹp loạn Chiêm Thành, bắt được Vua Chiêm Trà Toàn, lấy lại Hóa Châu bao gồm cả đất Chiêm Động, Đồ Bàn, Đại Chiêm, Cổ Lúy, và *đổi tên Hóa Châu thành **Đạo Quảng Nam***¹. *Từ đó xuất hiện địa danh **Quảng Nam** trong lịch sử VN.*

¹ Đơn vị hành chính của nước ta từ Nhà Đinh có những tên là Đạo (Thập Đạo Tướng Quân Lê Đại Hành); Châu (Trần Anh Tông: Thuận và Hóa Châu), Phủ và Huyện (Chúa Nguyễn Hoàng:

Năm 1831, Vua **Minh Mạng** đổi địa danh “Trần” và “Doanh” thành “Tĩnh”. Tên “**Tĩnh Quảng Nam**” bắt đầu từ đó.

Ngũ Hành Sơn: Xứ Quảng Nam nổi tiếng với phong cảnh kỳ tú của 5 hòn núi gọi là **Ngũ Hành Sơn** – Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ - quần tụ từ bờ biển Mỹ Khê đến bán đảo Tiên Sa, vùng Hòa Quế, Điện Bàn, QN, cách Đà Nẵng 7 km.

Vua Minh Mạng đích thân đặt tên **Ngũ Hành Sơn** cho 5 hòn núi đó mà từ xa xưa, dân địa phương đã từng gọi là **Núi Non Nước**, rồi **Ngũ Uẩn Sơn**, **Ngũ Chi Sơn**, **Núi Cẩm Thạch**, **Núi Tam Thai**. **Công Chúa Ngọc Lan, con của Vua Gia Long**, đã xuất gia vào ẩn tu ở hang động “**Phổ Đà Sơn**”, **Ngũ Hành Sơn**.

Phong cảnh **Ngũ Hành Sơn** thật là lôi cuốn. Danh Nho **Nguyễn Thượng Hiền** làm bài thơ ca ngợi và **Huỳnh Thúc Kháng** dịch Nôm như sau:

Hai mươi năm lẻ xuống trần gian
Ngoảnh lại bồng lai gắm dở dang
Kia động Tàng Chân nay được đến
Dâng hoa, quét lá, lễ tiên ban

Linh Ứng đền xây giữa núi sâu
Tàng Chân động cổ đá thừa rêu
Gió thu tựa cửa từng quang ngắm
Hạc biển bay mà chẳng thấy đâu

Non cao mấy chén rượu từng say
Xa tục tiên ông ở chốn này
Tung tích người xưa ôi chớ hỏi
Chòm mây muôn dặm tự do bay

Phủ Diên Khánh, ...); Doanh hay Dinh (Nguyễn Phúc Khoát: Chính Dinh tức Thừa Thiên, Long Hồ Dinh, ...); Doanh và Trần (Đời Gia Long có 27 Trấn: Quảng Ngãi Trấn, Trực Lệ Doanh tức Thừa Thiên, Quảng Nam Doanh...); Tĩnh (Minh Mạng: Tĩnh Quảng Nam).

Quảng Nam: Địa Linh Nhân Kiệt

Ngày nay, Quảng Nam đặc biệt chiếm vị trí trung tâm của đất nước ta, nằm cách Hà Nội 860 km và cách Saigon 865 km, bao gồm Thành Phố Đà Nẵng, hai thị xã Tam Kỳ và Hội An, 6 huyện đồng bằng và 6 huyện sơn cước; và chỉ còn lại một số người Chăm, vài di tích văn hóa Chăm khá thu hút, đặc biệt là **Tháp Chăm** và **Thánh Địa Mỹ Sơn** mà cơ quan UNESCO, Liên Hiệp Quốc, đã công nhận là di sản văn hóa thế giới vào ngày 4 tháng 2, 1994.

Câu nói của người xưa: “Địa linh, nhân kiệt” ứng vào đất **Quảng Nam** cũng có cơ sở.

Tục ngữ có câu “**Có thờ có thiêng; có kiềng có lành**”: ở đâu có thờ phương, ở đó có linh ứng. Đất Quảng Nam quả có rất nhiều chùa chiền, miếu mạo cổ xưa thờ phượng rất nhiều vị Thần, Phật nên vùng đất đó trở nên linh thiêng và đã sản sinh ra nhiều nhân vật khoa bảng nổi tiếng.

Năm 1898, Khoa Thi Mậu Tuất, toàn quốc có **18 vị Tân Khoa**, thì Quảng Nam chiếm 5 vị: 3 Tiến Sĩ và 2 Phó Bảng. Đây là một vinh hạnh hi hữu vì nước ta chưa từng có nơi nào, trong cùng một Khoa Thi, 5 người đồng hương cùng có tên trên Bảng Vàng. Vì thế, Vua **Thành Thái** đã ban tặng 4 chữ: “**Ngũ Phụng Tề Phi**”. Năm vị đó là các ông **Phan Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Lý, và Dương Hển Tiên**.

Năm 1901, Khoa Tân Sửu có 4 vị nữa đậu đồng khoa Phó Bảng được mệnh danh là **Tứ Kiệt**. Đó là các ông: **Nguyễn Đình Hiến, Nguyễn Mậu Hoán, Vũ Sỹ, và Phan Chu Trinh**.

Điểm son nữa là đa số những danh sĩ Quảng Nam là những nhân vật nổi tiếng yêu nước, thương nòi. Điển hình là các nhân vật nổi tiếng sau đây:

- Phạm Phú Thứ (Đông Bàn, Điện Bàn)
- Hoàng Diệu (Xuân Đài, Điện Bàn)
- Phan Chu Trinh (Tây Lộc, Tiên Phước)
- Trần Quý Cáp (Bát Nhị, Điện Bàn)
- Huỳnh Thúc Kháng (Thanh Bình, Tiên Phước)
- Thái Phiên (Hòa Phát, Hòa Vang)
- Trần Cao Vân (Tur Phú Điện Bàn)

Quang cảnh những ngày đất thần kinh Huế mở khoa thi là những ngày tung bùng đặc biệt đối với các thiếu nữ đang tuổi kén chồng thi nhau điểm trang cho giấc mơ “Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau”. Các chàng và các nàng là những nhân vật hạnh phúc nhất trong những biến cố trọng đại đó. Ca dao có hai câu truyền miệng, không biết câu nào có lý hơn:

Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành
 Và:

Học trò trong Quảng ra thi
Mấy cô gái Huế chân đi không đành

Trong thực tế, Quảng Nam là nơi tiếp cận sớm nhất và nhiều nhất với người ngoại quốc qua hai cảng Đà Nẵng và Hội An. Đó đó, QN có nhiều luồng văn hóa giao lưu: văn hóa Chăm, Ấn Độ, Mã Lai, Trung Hoa, Nhật, Pháp, Hòa Lan, v.v. và có thể nói QN là trung tâm văn học và nghệ thuật thứ hai của đất nước sau cố đô Thăng Long, Hà Nội.

Ngày nay, Quảng Nam lại ghi thêm một nhân vật kiệt kiệt nữa là nhà thơ họa nổi tiếng năm châu: Vũ Hối. Nhưng, Vũ Hối đã đạt những thành tích hiếm có trong địa hạt văn học và nghệ thuật như thế nào?

II. Sự Nghiệp của Vũ Hối

Thành tích: Với tác phẩm mang tên “Mộng Hòa Bình, Vũ Hối đoạt **Giải Khôi**

Nguyên Hội Hoa Quốc Tế tổ chức tại Hoa Kỳ năm 1963 với 32 quốc gia tham dự.

Vũ Hối dùng nét vẽ tài hoa họa chân dung Tổng Thống **Kennedy** và Đại Tướng **Creighton W. Abrams**.

Triển lãm tại Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Anh, Đại Hàn, Phi, và Đức.

Năm 1963, Trung Tâm Vô Tuyến Truyền Hình Columbia mời Vũ Hối diễn thuyết về Hội Họa và Thi Ca

Tên tuổi ông được nêu trong Văn Học Tự Điển, Việt Nam Cộng Hòa, trong Về Vang Dân Tộc II, trong **Tự Điển Danh Nhân Thế Giới ấn hành tại Anh Quốc năm 1997**, trong cuốn 5000 Personalities of the World của American Biographical Institute 2000, trong tuyển tập L’Art d’Écriture, Paris, 1993, và **Tuyển Tập Thơ Đạo của Nhật Bản, 2006**.

Được vinh danh về “**Tinh Sáng Tạo trong Nghệ Thuật**” tại Atlanta, 5/11/1994.

Được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là **Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền**.

Những tác phẩm đã xuất bản:

Mùa Giao Cảm (Thơ, 1958)

Vân Thơ Màu Trắng (Thơ, 1959)

Những Dấu Chân Đi (Truyện ngắn, 1960 và 1963)

Chiêm Bao Trở Giác (Thơ, 1997)

Nghìn Thương Đất Mẹ (Thơ và Thơ Họa, 1999)

Thơ Nhạc trong Tranh (CD, 2000)

Mây Ngàn (Thơ & Thơ Họa, Norway, 2003)

Nghệ Thuật Thơ Họa (2007)

Sẽ xuất bản:

Tác Phẩm và tác Giả

III. Khuynh Hướng Văn Học và Nghệ Thuật của Vũ Hối

Trong sự nghiệp văn học và nghệ thuật, Vũ Hối đã thực sự **nâng cao tâm hồn** lên bằng cách chọn cho mình một hướng đi dứt khoát: Vũ Hối **dùng ngòi bút để phục vụ cho đại chúng** thay vì tự giam mình trong cái gọi là “**Tháp Ngà**” của **tôi đáng ghét**.

Vũ Hối rất tâm đắc với hai câu: “**Văn dĩ tải Đạo**” và “**Nghệ thuật vị nhân sinh**”. Đây chính là những quan điểm cao quý của những nhà tư tưởng cổ, kim, đông, tây từng đề cập đến.

Chẳng hạn:

Văn hào Leon Nga Tolstoi (1828-1910) viết: “**Nhà văn nghệ không thể làm mỗ chợ, cũng không thể làm đồ đùa cho giai cấp đặc quyền**”.

Gorky (1868-1936) phát biểu: “**Nhà văn nghệ phải làm cho loài người tự hiểu mình, tự tin mình, và càng khát mơ chân lý**”.

George Herbert (1593-1633) khẳng định: “**Văn nghệ là lương tâm của loài người**”.

Và, Thái Dịch Lý Đông A (Nguyễn Hữu Thanh (1929 -), tác giả của *Huyết Hoa* và *Đạo Trường Ngâm*, lên tiếng: “**Nhà văn nghệ phải phát thệ yêu thương bởi yêu thương là huyết tính của loài người. Nhà văn nghệ phải thể hiện được yêu thương trong sinh mệnh của lịch sử hiện tại và tương lai trong loài người, trong sống thật, sống máu, và đấu tranh của loài người. Nhà văn nghệ phải ca ngợi cái đặc thắng của Vô Ngã**”.

Với những ý niệm thăng hoa đó và bằng những nét vẽ không mang tính *quy ước, mô phỏng, hay bắt chước*, mà biểu lộ **đầy tinh thần sáng tạo mang tính đột phá** và **mới lạ**, Vũ Hối hoàn thành bức họa “**Mộng Hòa Bình**” vẽ **ba chim bồ câu trắng** và **một thiếu nữ Việt mặc áo dài trắng**. Bức tranh đó đã giúp Vũ Hối chiếm Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế, Hoa

Kỳ, 1963 không những vì nét họa tài tình mà đặc biệt còn vì **nội dung bức họa đó đã nói lên ước vọng tha thiết nhất của thời đại - ước vọng của mọi người cho một nền hòa bình chân chính không những tắt tiếng súng mà còn phải chấm dứt cả trả thù, đàn áp, và khủng bố**.

Nhưng, tại sao lại vẽ tới ba con bồ câu mà không phải là một cặp hay chỉ một con? Và cũng không biết con bồ câu hòa bình nào là thiệt, là giả; hay cả ba cùng giả cả? Còn thiếu nữ Việt thì trông đầy vẻ ngây thơ nếu không muốn nói là đại khờ.

Tính sáng tạo: điểm nổi bật nhất trong thư họa của Vũ Hối là anh đã dựa vào những vẻ đẹp của thiên nhiên để chế ra những dạng chữ mệnh danh là **Thủy Tự, Hỏa Tự, Nguyệt Tự, Trúc Tự, Vân Tự, v.v.** để viết những câu thơ liên hệ tới nước, lửa, trăng, mây, ... khiến cho những nét thư họa trở nên linh hoạt khác thường.

Nhà thơ có tâm đạo: ngoài Hội Họa và Thư Họa, Vũ Hối còn là một nhà thơ một nhà thơ yêu nước, thương nòi, và đề cao chữ **Tâm** như anh đã dùng thư pháp viết câu thơ: “**Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài**” (*Kiều, Nguyễn Du*).

Thơ của Vũ Hối dễ đi vào lòng người nhờ sử dụng những từ ngữ dân dị, trong sáng, và **trung thực với cuộc sống thực tế**.

Vũ Hối cống hiến nửa cuộc đời cho gia đình và một nửa cho đại chúng: Vũ Hối hiến một cánh tay cho nghệ thuật hội họa nhưng lại mất đi một con mắt bởi chính sách hận thù trí thức.

Xin hãy nghe Vũ Hối tâm sự qua những câu thơ:

Thuyền ra giữa bến thuyền dừng
Ai đi thương nước, nửa chùng lại thôi?
Trách ai tình nước như voi
Thù nhà, nợ nước, buông trôi giữa dòng

Nửa

Đời ta nửa tỉnh, nửa say
Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm
Nửa vui với nửa ưu phiền
Nửa sông còn cát, nửa triền núi cao
Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào
Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình
Nửa hôn đau kiếp phù sinh
Chênh vênh nửa cuộc hành trình bẽ dẫu
Chập chờn nửa giấc canh thâu
Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya

Sau đây là phần kết luận về Vũ Hối.

Vũ Hối là một trong những nghệ sĩ tài hoa ít có trong thế kỷ 20.

Với ngòi bút thần về thơ họa, Vũ Hối đã làm rạng danh dân tộc Việt khắp năm châu. *Người ta thích thơ và tranh họa của Vũ Hối vì tác phẩm của anh phản ánh đậm đà những tình tự ngàn năm của giống nòi Việt và mang những màu sắc triết lý sâu xa.*

Vũ Hối đã trở thành con người của quốc tế, nhưng anh cũng là con người của gia đình.

Được biết Vũ Hối có sáu người con và hiện nay tất cả con, cháu, dâu, rể, mười sáu người, vẫn chung sống như một đại gia đình – tam đại đồng đường - dưới sự chăm sóc chu đáo của người bạn đời của anh, vì thế anh đã có thì giờ để sống với tha nhân. Anh cho đó là do phúc đức của ông bà để lại và cần phải bồi đắp thêm, vì người xưa nói rằng: “**Có phúc, có phần**” hay “**Có đức mặc sức mà ăn.**”

Tính tình anh đôn hậu, khiêm tốn, hòa nhã, và chính trực. Kết thân với anh, mọi

người đều cảm thấy thoải mái và **không bao giờ sợ bị phản bội.**

Một điểm cuối cùng tôi muốn nhấn mạnh nói về Vũ Hối là trong suốt cuộc đời làm một nghệ sĩ, **anh đã không bị lạc lõng.** Không lạc lõng ở đây, ý tôi muốn nói rằng **ngòi bút của Vũ Hối đã không bao giờ xa rời cuộc sống thực tế** hằng chất chứa những khát khao chân chính mà những thức giả phải tự nhận lãnh trách nhiệm thực hiện. **Vũ Hối đã sống đúng với tinh thần của một Kĩ Sĩ chân chính**

Tấm lòng đôn hậu: Vũ

Hối là một con người có một tấm lòng đôn hậu chung cho tất cả mọi người nên anh đã không cô đơn. Ở đâu anh cũng được quảng đại quần chúng ngưỡng mộ, tiếp đón nồng hậu và chân tình. Trên cõi đời này, những con người có tấm lòng đôn hậu sẽ không bao giờ bị lạc lõng.

Và, đây là bài thơ thơ tặng Vũ Hối:



THẬP HOA THIÊN BẨM

Hoa tay mười ngón hiện ràng ràng
Vũ Hối, Quảng Nam, đoạt Giải Vàng
Họa động đường tô ngòi thủ lãnh
Pháp thư nét vẽ bậc đàn anh
Nhân Quyền Chiến Sĩ giành kỳ vị
Văn Hóa Hiền Tài chiêm mỹ danh
Tự điển tên ghi Thư Đạo Nhật
Khiêm cung, chính trực, lợi không màng

HẢI BĂNG HDB (Arizona)

KHU PHỐ CŨ

Làm duyên treo tấm màn màn
Một cây trứng cá cành xanh là đà.
Nhà tôi đó, số bấy ba
Bấy lăm, bấy mốt đều là cận lân
“Anh em xa, lảng giềng gần.”
“Tắt đèn, tối lửa” khi cần ới nhau.
Sang ngang... chẳng phải bắc cầu!
Bấy hai, bấy bốn thêm lầu, ban-công
Chiều chiều gió mát, ở không
Bà con tiêu khiển, ngồi trông xuống đường
Tôi ôm một xi thân thương
Băng qua góp mặt, khiêm nhường
chung vui.
Đêm về lụi lụi, lụi cui
Phủ chân, lủi thủi, rồi chui vô mùng.

Nguyễn Phú Long

(Còn Vương Tư Lòng)

Virginia

VAN THU ĐỪNG ĐẾN

Nào tôi có gọi Thu đâu!
Mà Thu cứ đến làm tôi thấy buồn.
Giọt thương nặng trĩu nửa hồn!
Nửa kia bão táp sóng cồn nhớ nhung!

Lê Hoàng Long

MỘT THOÁNG MƠ QUA

Gửi Huế đôi lời thơ nhớ mong
Người em ngày cũ có còn không
Con đường nhỏ nhỏ quanh hàng trúc
Dáng dấp ai buồn bên bến sông.

Người đi để lại buồn trong mắt
Tóc xõa bờ vai thấp thoáng trông
Nón lá che nghiêng ai đứng đợi
Bên cầu Gia Hội nước còn trong.

Một thoáng mơ qua, sớm vội tàn
Bởi đời đôi ngã, bước ly tan
Thương hoài mái tóc trắng thề ấy
Bên phố thu xưa nhạt lá vàng.

Bao năm không gặp, dài nhung nhớ
Chép lại bài thơ quá muộn màng
Sầu cũ chưa phai, sầu mới đến
Chuông chùa Diệu Đế mãi vang vang.

Đặng Nguyên

Maryland Chớm Thu 2009



PHẬT DẠY CHẶN TRÂU

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(chuyển dịch thơ tiếng Việt)

(Đề tài chung của các loại “Tranh Chăn Trâu Thiền Tông” là đường lối tu tập để “điều tâm”, để “luyện tâm”. Tâm ở đây được tượng trưng là con trâu.)

1. The Search for the Bull

In the pasture of this world,
I endlessly push aside the tall grasses
in search of the bull.
Following unnamed rivers, lost upon the
interpenetrating paths of distant mountains,
My strength failing and my vitality exhausted,
I cannot find the bull.
I only hear the locusts chirring
through the forest at night.

1 - TÌM TRÂU

*Trong đồng cỏ cõi nhân gian
Ta liên tục vén cỏ làn qua bên
Quyết tìm trâu, trí vững bền
Ta theo những nhánh sông hiền vô danh
Lạc vào bao nẻo loanh quanh
Lối mòn giăng mắc núi xanh xa vời
Sức suy nhược, thân rã rời
Bóng trâu nào thấy tấm hơi trong vùng
Chỉ nghe vọng giữa mông lung
Ve kêu rả rích khắp rừng đêm nay.*

*

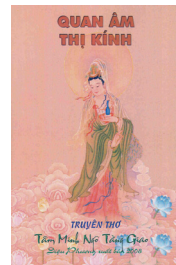
2. Discovering the Footprints

Along the riverbank under the trees,
I discover footprints!
Even under the fragrant grass I see his prints.
Deep in remote mountains they are found.
These traces no more can be hidden
than one's nose, looking heavenward.

2 - THẤY TRÂU

*Dọc bờ sông, dưới tàn cây
Ta nhìn ra dấu chân đầy ở quanh
Và ngay dưới đám cỏ mảnh
Dấu chân cũng hiện rành rành rõ thêm
Thăm sâu rặng núi trong miền
Vết chân trâu cũng thấy liền lộ ra
Khó mà che khuất mắt ta
Như là mũi ngược trời xa ngóng nhìn.*

*



3. Perceiving the Bull

I hear the song of the nightingale.
The sun is warm, the wind is mild,
willows are green along the shore,
Here no bull can hide!
What artist can draw that massive head,
those majestic horns?

3 - THẤY DẤU

*Họa mi vắng tiếng hót lên
Vàng dương ấm áp, gió êm dịu dàng
Liễu xanh bờ suối giăng hàng
Trâu nào có thể ẩn tàng nơi đây!
Nào ai vẽ được khéo tay
Đầu kia to lớn, sừng này oai nghi?*

*

4. Catching the Bull

I seize him with a terrific struggle.
His great will and power are inexhaustible.
He charges to the high plateau
far above the cloud-mists,
Or in an impenetrable ravine he stands.

4 - BẮT ĐƯỢC TRÂU

*Sau hồi chiến đấu gớm ghê
Ta nay tóm bắt trâu kia được rồi
Trâu mang ý chí tuyệt vời
Lại thêm sức lực trâu thời vô song
Leo cao trâu cứ vẫy vùng
Cao nguyên xa khuất mấy tầng mây che
Hay là đứng dưới lòng khe
Lũng sâu thăm thẳm có chi đường vào.*



5. Taming the Bull

The whip and rope are necessary,
Else he might stray off down some dusty road.
Being well trained, he becomes naturally gentle.
Then, unfettered, he obeys his master.

5 - CHẶN TRÂU

*Roi và dây cần thiết sao
Kéo thân trâu lại vẫn lao toi bờ
Xuống nơi bụi bặm mù trời
Lạc đường, lạc nẻo vào nơi nào rồi
Được rèn luyện kỹ bởi người
Tự nhiên trâu sẽ tới thời hiền lương
Rồi khi không bị buộc ràng
Trâu tùng phục chủ dễ dàng êm xuôi.*

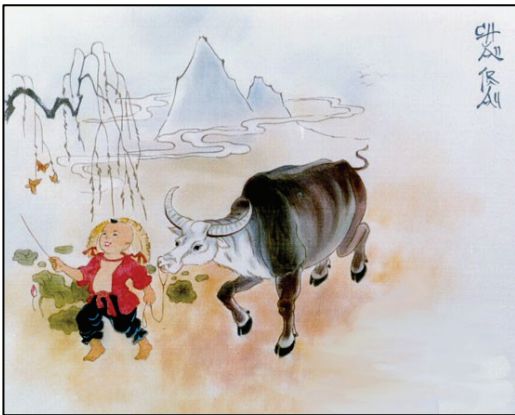
*

6. Riding the Bull Home

Mounting the bull, slowly I return homeward.
The voice of my flute intones through the evening.
Measuring with hand-beats the pulsating
harmony, I direct the endless rhythm.
Whoever hears this melody will join me.

6 - CƯỠI TRÂU VỀ NHÀ

*Leo lên trâu cưỡi thành thơ
Ta quay chậm rãi về nơi hướng nhà
Sáo ta chiều vọng ngân nga
Tay ta gõ nhịp luôn hòa điệu ru
Ai nghe nhạc khúc thiên thu
Xin cùng ta tấu lên cho nhịp nhàng.*



*

7. The Bull Transcended

Astride the bull, I reach home.
I am serene. The bull too can rest.
The dawn has come. In blissful repose,
Within my thatched dwelling I have abandoned
the whip and rope.

7 - QUÊN TRÂU

*Cưỡi trâu thong thả trên đường
Về nhà bình thản chẳng vương bận lòng
Và trâu cũng nghỉ ung dung
Bình minh vừa tới rạng hồng nơi nơi
Trong nhà tranh nghỉ thành thơ
Roi, dây đem cất, ta thời cần đâu.*

*

8. Both Bull and Self Transcended

Whip, rope, person, and bull –
all merge in No-Thing.
This heaven is so vast no message can stain it.
How may a snowflake exist in a raging fire?
Here are the footprints of the patriarchs.

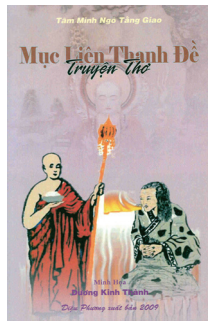
8 - CẢ TRÂU VÀ NGƯỜI ĐỀU QUÊN

*Roi, dây, người với lại trâu
Cùng nhau tất cả tan vào Hư Không
Cõi trời thời quá mênh mộng
Không còn dấu tích lưu trong chốn này
Một bông tuyết mỏng manh thay
Làm sao tồn tại khi bay vật vờ
Gặp lửa hồng toả nhiệt ra
Vết chân chur Tổ chính là đây thôi.*

*

9. Reaching the Source

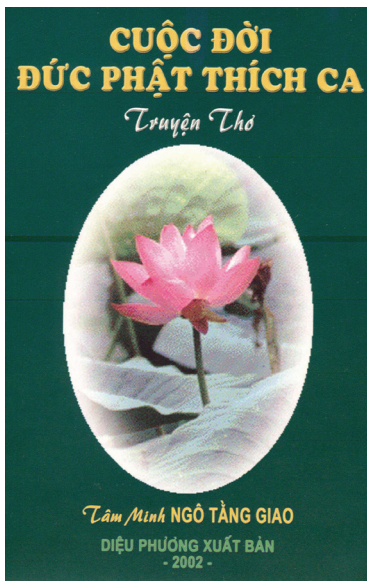
Too many steps have been taken returning to
the root and the source.
Better to have been blind and deaf
from the beginning!
Dwelling in one's true abode,
unconcerned with that without --
The river flows tranquilly on
and the flowers are red.



9 - VỀ NGUỒN

*Phải qua nhiều đoạn đường đời
Mới quay về được tới nơi cội nguồn
Từ đầu mù, điếc đi luôn
Thế mà nghĩ lại thấy còn hay hơn
Và ta trú ngụ trong am
Nhà mình thực sự bình an lâu rồi
Quan tâm chi đến cảnh ngoài
Sông trôi êm lặng, hoa thời đỏ tươi.*

*



10. In the World

Barefooted and naked of breast,
I mingle with the people of the world.
My clothes are ragged and dust-laden,
and I am ever blissful.
I use no magic to extend my life;
Now, before me, the dead trees become alive.

10 - TRONG CỎ NHÂN GIAN

*Ngực trần, chân đất thành thơ
Ta hoà nhập với con người dương gian
Áo quần rách rưới làm than
Nhưng ta hạnh phúc vẹn toàn biết bao
Ta nào cần pháp thuật đâu
Để mong cuộc sống thêm lâu thêm dài
Trước ta hiển lộ ra rồi
Muôn cây khô héo tới thời hồi sinh.*

*

(Trích dẫn "10 bulls by Kakuan" trong cuốn "Zen Flesh, Zen Bones" Thiền cốt, Thiền nhục, Anchor Books, 1989. NYOGEN SENZAKI và PAUL REPS chuyển ngữ tiếng Anh)

TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO

(Virginia)



TÌM MỘT CỠ VỀ

Bài nói chuyện của

NGUYỄN LÂN

(Tại Hội Trường James Lee Virginia ngày 30 tháng 5 năm 2009)

Chúng ta đang sống, đang thụ hưởng những gì ta có thể làm được trên thế gian này. Mỗi ngày qua đi, chúng ta càng bước tới gần nắm mồ của mình. Nói thế, nghe rợn người và đáng sợ. Sao ta không nghĩ, mỗi ngày qua đi, ta càng tới gần chân lý, càng gần một nơi vĩnh cửu đẹp và thơ mộng như ta hằng mơ ước?

Nhưng ta chưa sửa soạn cho NGÀY VỀ đó vì ta còn nhiều việc phải làm, nhiều chương trình chưa hoàn tất, nhiều ước muốn chưa thực hiện, và ngay cả tình yêu nhiều khi chưa trọn vẹn. Vì thế trước lần về cuối cùng, chúng ta vẫn phải có một chỗ về tạm bợ nhưng dễ chịu, thoải mái nơi trên trần thế. Đây là con đường chúng ta đang đi, con đường của Tìm Một Cỗ Về.

Trên con đường đó lúc nào cũng có hai hình ảnh, một bên u sầu ảm đạm, một bên sáng lạn huy hoàng, rõ ra là hai khía cạnh xấu tốt, hai màu tương phản xám hồng. Thì cứ nhìn khía cạnh tốt, cứ nhìn hưởng màu hồng để mà ung dung tự tại. Ngay trong đời sống dù bị sa lầy, thua kém, thất bại chất chồng, cũng đừng thối chí, nản lòng. Cứ coi như có thể có nếm mùi thất bại mới có kinh

nhệm để vươn tới thành công. Trong cái rủi vẫn ẩn cái may, trong khổ đau vẫn nấp mầm hạnh phúc. Những chông gai, những khó khăn trước mắt chỉ là những thử thách để kích động ý chí tiến thủ, coi như là chất xúc tác làm cho giấc mơ càng khó càng đầy thi vị, càng thúc đẩy dẫn tới đích mình mong muốn.

Mỗi người có một lối sống, mỗi người có một quan niệm khác biệt về cuộc đời. Nhưng không ai là không kinh qua những giai đoạn đau thương, không ai là không một lần vấp ngã. Thì cứ đứng dậy, gượng cười mà đi. Coi như là cái NGHIỆP phải trả. Có thể, mới thấu hiểu cái KHÔNG, cái VÔ THƯỜNG trong cuộc đời. Hay nói một cách khác, cứ coi như Đấng Sáng Tạo bày ra như thế, Trời muốn thế.

Trong cuốn TMCV, tác giả đi tìm một điểm tựa cho những thăng trầm của đời người, tìm một nơi ẩn nấp để trọn vẹn nghỉ ngơi và muốn biết rồi ra mình sẽ tới đâu? Trong TMCV tôn giáo được nhắc nhở đến nhiều lần, đạo Phật và cuối cùng là đạo Thiên Chúa, như một cứu cánh, một điểm tựa. Ngay mặt sau cuốn sách, ta đã thấy ý chính của TMCV:

Cuộc sống này chỉ là cõi tạm. Nhưng trong cõi tạm này vẫn cần một nơi nghỉ ngơi thoải mái, một nơi mà niềm tin, niềm thương yêu bền bỉ, một cõi về cho thân xác tạm bợ và cho linh hồn vĩnh cửu.

Ngay từ những trang đầu, cuốn sách đã hé mở cho độc giả thấy quan niệm sống của tác giả: một đời sống thoải mái, thanh thản mà sống động - một đời sống yên lặng, bình dị mà đầy cuốn hút. Điểm quan trọng để thấy mình đáng sống là nhìn được bản thân có hữu ích không, cho mình mà cũng cho người “vì ai mà sống, vì ai mà hi sinh”. Đó, tư tưởng thanh cao với ý chí tiến thủ cho một lý tưởng. Đó, để giữ cho tâm hồn quân bình trong một thể xác lành mạnh, tươi đẹp. Đó là chìa khóa của Hạnh Phúc.

Nhân vật chính trong truyện cũng có số phận khắc nghiệt như ai, khiến tâm hồn con người bình thường đó phải trải qua những đoạn đời sôi động bất thường. Hẳn có thể làm cho độc giả bực mình, cũng có thể làm cho độc giả thương cảm. Ở hẳn, có những điểm khác biệt với một người bình thường mà cũng có nhiều điểm tương đồng với đại chúng. Ở hẳn, bên cái rủi vẫn có cái may. Từ những đam mê xốc nổi, hẳn dần dà hiểu được thân phận mình, hiểu được bàn tay kỳ diệu của Tạo Hóa. Từ đó, hẳn đi tìm một cõi về, cõi về ấm cúng nơi trần thế, cõi về thanh bình trong tâm tưởng.

Với những kinh nghiệm đã trải qua, tác giả khơi dậy nguồn tươi trẻ từ :

- Hoạt động thể xác
- Hoạt động tinh thần
- Tình người, một điểm tựa cần có.

Tình người? Tình gia đình, tình bằng hữu, tình thầy trò, tình xã hội và cũng không thể quên được tình yêu.

Với tình yêu của các nhân vật trong truyện, chúng ta như thấy những cảnh ái ân trước mắt qua những đoạn tả cách thương yêu của đôi người theo nhiều cung cách khác biệt tùy cá tính, tuổi tác, hoàn cảnh, thời gian, không gian. Và lại, ai trong chúng ta trừ những người có cốt cách luyện đạo, trừ những bậc chân tu, lại không có ít nhất một lần trong cuộc đời với một tình yêu hoặc lãng mạn vẫn vợ hoặc cuồng si sôi động.

Yêu là thế nào?

Là “ thấy cả cuộc đời lên sắc thắm” hay là “chìm xuống đáy vực sâu thẳm thẳm”?

Dù gì đi chăng nữa thì:

“ Đời không ân ái, đời vô vị

Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa”

Vì vậy, người xưa có câu:

“ Tự cổ chí kim, yêu là khổ

Tự kim chi cổ, khổ vẫn yêu”

Do đó, trong TMCV phải có những cảnh yêu đương khác biệt. Có những đoạn “yêu” thật lãng mạn, thật mộng mơ - nhưng có những sen “yêu” thật vũ

bão, thật cuồng nhiệt - lại có những pha “yêu” đầy tính man rợ, rùng rú.

Những cảnh ân ái trong TMCV rất “nóng” nhưng rất “người”. Có gợi lòng dâm dục hay không là tùy ở người đọc lòng thanh hay tục. Một áng văn, một bài thơ, một bức họa, một pho tượng điêu khắc đều là những sản phẩm nghệ thuật. Nếu ngắm một bức tượng khỏa thân hay xem một tấm tranh mô tả hành động ái ân của một đôi trai gái, người lòng thanh chỉ thấy cái nét khắc tuyệt vời của điêu khắc gia, ngọn bút sống động của nhà họa sĩ. Nhưng người lòng tục nhìn thấy những cái đó lòng dục sẽ dậy lên. Thì văn chương, thi phú đối với con người cũng vậy.

Trở lại Tìm Một Cõi Về, nhân vật chính, giáo sư Phong, một con người lãng mạn, có lý tưởng nhưng thiếu thực tế, một con người được Thượng Đế ban cho nhiều ưu điểm làm thăng hoa cuộc sống nhưng lại có những khuyết tật đáng kể. Nhân vật Phong đã trải qua nhiều mối tình. Mỗi mối tình có cái quyến rũ riêng của nó. Cái đặc biệt đầy lãng mạn tính của Phong đã dám thương một người mắc bệnh phong (cùi), cô Lệ, và tận hưởng thú hi sinh cho một tình yêu không bền vững:

Thời gian hạnh phúc được bao nhiêu lâu? Không thành vấn đề. Lệ được quyền biết có người thành thực yêu thương nàng, lo cho nàng dù nàng mắc bệnh nan y, dù trên trần thế nàng chỉ có một khoảnh khắc ngắn ngủi. Người đó không

coi là sự hi sinh. Người đó coi sự gần gũi với nàng là nguồn hạnh phúc.

Một nhân vật nam hoàn toàn khác biệt với Phong là nhà báo Trần Bình, một người thầy trong làng báo chí, một người thực tế, sắc sảo, nhiều cơ mưu mánh lới xảo quyệt nhưng bất đắc chí trong trường đời và trong tình trường. Tới bất mãn cùng cực với cuộc đời, ông đi tìm một cõi về bằng cái chết có tính toán, cái chết để tự quảng cáo, tự đánh bóng mình:

Ông Bình ngồi xếp bằng trong công viên, ngay trước những bậc tam cấp, đường vào điện Capital. Một buổi sáng vắng lặng. Ông tưới xăng cùng mình, khắp đầu cổ. Ông nhắm mắt khoảng mười giây tận hưởng cái lạnh lẽo hắc nồng của hơi xăng đang bốc tỏa. Ông bật que diêm châm ngay trên mái tóc bạc. Lửa bùng lên. Que diêm thứ hai dí trên khuôn mặt dẫm xăng. Cả hộp diêm tung tóe trên mình phụt theo ngọn lửa đỏ. Ông đê mê. Trong cơn đắm, ông đi vào thiên thu.

Có nhân vật nam thì phải có nhân vật nữ.

Những nhân vật nữ hầu hết nếu không là những trang tuyệt sắc thì là những nữ lưu đa tài. Nếu không phải là đóa sen tinh khiết thì là bông hồng thắm máu trên cành đầy gai nhọn hay trong trắng ngát hương như nhánh thủy tiên hoặc dậy mùi thơm nồng của hoa xươg

rông. Mỗi nhân vật một cá tính riêng tiêu biểu cho từng loại người.

Kính thưa quý nữ lưu. Nơi đây chắc có nhiều vị khá giống những nhân vật nữ trong *Tim Một Cõi Về*. Xin để quý vị tự kiểm lấy bóng dáng và tài hoa của mình trong cuốn truyện.

Đọc *Tim Một Cõi Về*, độc giả sẽ thấy tác giả là người say mê cái đẹp, và nhìn thấy cái đẹp thật cao quý, đáng tôn kính. Từ cái hoa mỹ của văn chương nghệ thuật đến cái diệu kỳ của khoa học, của kỹ thuật. Trong vũ trụ, tác giả mên mộ tất cả những tác phẩm của thiên nhiên, từ cái đẹp của cây cỏ đến cái đẹp của con người - từ phẩm chất đến linh hồn - những tác phẩm tuyệt diệu của Đấng Sáng Tạo.

Trong *Tim Một Cõi Về*, độc giả sẽ lặng ngắm nét họa tuyệt vời của Đất Trời trải qua bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Những đoạn tả cảnh lồng trong nỗi xuyên xao, rung động của một tâm hồn nhạy cảm, nhân vật Phong trong chuyện để có thể hiểu vì sao người đó lại dễ lấy cảm tình của phái nữ.

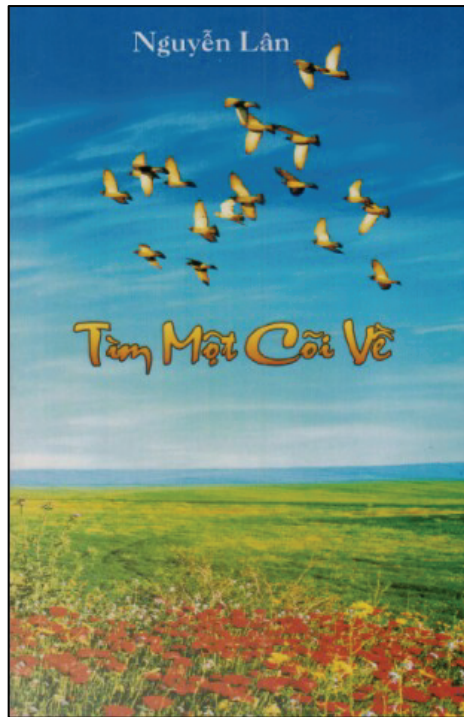
Điều đáng nói trong TMCV là độc giả thấy lại ý tưởng hưởng thưởng của Tự Lực Văn Đoàn: CHÂN, THIỆN, MỸ mà tác giả chịu ảnh hưởng ngay từ thuở thiếu thời - những công việc xã hội đầy tính từ thiện mà tác giả hằng ấp ủ, những công tác giáo dục tại nước nhà mà tác giả đã dự phần, những công tác văn nghệ để trau giồi văn hóa Việt và làm cho cuộc sống tươi đẹp, có ý nghĩa hơn dần trải trong toàn bộ truyện. Đó là niềm mơ ước của một cuộc đời.

Trên hết, con đường hạnh phúc mà tác giả đề cập tới là sự cần thiết có một Đức Tin nơi Đấng Tối Cao. Đi tìm một niềm tin, manh nha lúc khởi đầu, càng về sau càng đậm nét, nhân vật

Phong dần dần thấy ánh sáng le lói xa xa trên con đường tìm một cõi về và an tâm cho cái NGÀY VỀ vĩnh viễn không xa

Tác giả chân thành mong độc giả có những giây phút thoải mái khi đọc cuốn chuyện này và kỳ vọng TMCV mang đến quý vị vài điều nhỏ nhoi hữu ích.

NGUYỄN LÂN
(Virginia)



LÁ ÚA MÙA THU

Thu đến thu đi rồi thu lại tới
Dòng thủy triều dâng khi đầy lại vơi
Tình đã qua không bao giờ trở lại
Nụ hoa nào tàn trong buổi sớm mai .

Ta mãi nhìn nhau quên cả nhìn trăng
Kỷ niệm xa xôi có nhớ gì chẳng
Dòng sông nào rồi cũng xuôi ra biển
Tình lợi ngược dòng gợn sóng bắn khoản.

Cuộc đời sẽ trôi, trôi đi mãi mãi
Thời gian, dung nhan, có còn lại gì
Ta vẫn là ta trải bao thay đổi
Thì xin già biệt, lệ mờ hoen mi .

Lá úa chiều nay rụng rơi theo gió
Thu về man mác những nỗi niềm riêng
Cứ ngỡ như vừa qua cơn mộng ảo
Dĩ vãng phai mờ, tình đẹp triển miên.

ĐỖ THỊ MINH GIANG



EM TÔI, MÀU THU TRONG MẮT

Sớm hôm nay cùng em ra biển vắng
Bỗng đâu đây có chiếc lá vàng rơi
Cơn gió lùa lành lạnh chút heo may
Cầm tay em ngoan mềm, nghe ấm lại...

Đi bên em, mong con đường dài mãi
Rung tiếng lòng nhẹ nhàng, sóng lao xao
Bờ môi hồng tha thiết muốn gửi trao
Ta không nhớ... dòng đời đang có mặt...

Nàng thu tới, hai mảnh hồn se thắt
Nắng long lanh hòa lẫn bóng hương yêu
Ta làm thơ, dù trời đã xế chiều
Ôi ngây ngất vì em và biển mặn!

Bước song đôi, cuộc đời thôi im lặng
Hạ vỹ vàng, đơn lẻ. Chớm thu sang
Hàng cây xanh thay áo mới muện màng
Em tôi đó, màu thu in trong mắt...

Hoa thu nở, men tình lên bất chợt
Rượu đêm tàn... say khướt với môi em...

Ocean City, ngày 29-8-2008.

BÙI THANH TIÊN

Virginia

PAUL GAUGUIN

(1848 - 1903)

Nhà Danh Họa Lập Dị

PHẠM VĂN TUẤN

Paul Gauguin là họa sĩ người Pháp thuộc thời kỳ hậu ấn tượng, đã sáng tác nhiều tác phẩm hội họa trong các năm từ 1891 tới 1893 và từ 1895 tới 1901 tại hòn đảo Tahiti rồi từ năm 1901 tới 1903 trên các đảo Marquesas. Nhà danh họa này đã vẽ các thổ dân, mô tả lối sống thô sơ, mộc mạc của họ, các sợ hãi, dị đoan của vài xã hội sơ khai cũng như các phong cảnh của miền hải đảo.

Paul Gauguin đã từng làm người bán cổ phần ở tuổi 35 rồi do bản chất yêu nghệ thuật hội họa và do tính tình lập dị, tự phụ, ngang bướng, không chịu nhường trong cuộc sống, ông đã theo đuổi cuộc đời của một họa sĩ tiên phong, đi tìm lối sống cô đơn nơi các xã hội “*nguyên thủy*”. Paul Gauguin đã chán nản trước cuộc sống tư sản của thành phố Paris nên đã đi tìm sự thật và bản chất của con người thuộc vùng biển Tây Ấn và phía nam Thái Bình Dương, rồi mô tả bằng cách dùng tới các hình thể đơn giản, các màu sắc chính vừa thuần chất, vừa rực rỡ, phối hợp với các tầng màu bằng phẳng và các đường nét nhịp nhàng, tạo nên các họa phẩm mang nhiều đặc tính trang trí và rất đẹp mắt.

Sự sáng tạo của nhà danh họa Paul Gauguin đã gây được những ảnh hưởng sâu rộng tới các họa sĩ dã thú và ấn tượng thuộc đầu thế kỷ 20 và trong số này phải kể tới họa sĩ người Na Uy Edward Munch, hai nhà danh họa Henri Matisse và Pablo Picasso.

1/ Các năm lập nghiệp.

Bản tính lập dị của Paul Gauguin có thể truy nguyên từ các vị tổ tiên thời trước. Bà ngoại của Paul tên là Flora Tristan, có mẹ là người Pháp, cha thuộc miền Peru, Nam Mỹ. Bà Flora sinh năm 1803, là một phụ nữ đẹp nhưng ưa nói thẳng, thường phản kháng các bất công xã hội trong suốt cuộc đời của bà. Lập gia đình năm 17 tuổi, bà Flora có chồng là André Chazal, một họa sĩ in thạch bản nhưng cuộc sống gia đình không thành công. Qua đời năm 1844, bà Flora để lại một người con gái cô đơn 19 tuổi, tên là Aline. Không lâu sau khi mẹ chết, Aline kết hôn với Cloris Gauguin, lớn hơn 11 tuổi và thuộc một gia đình chủ tiệm khá giả, tại thành phố Orléans, miền trung của nước Pháp. Từ Orléans, ông Clovis

đã di chuyển lên thành phố Paris và làm nghề viết văn, viết các bài bình luận chính trị cho tờ báo Quốc Gia (Le National).

Vào năm 1848, tình hình chính trị của nước Pháp rất xáo trộn. Do cảm thấy chế độ quân chủ có thể trở lại cai trị, một thể chế mà chính ông và tờ báo Quốc Gia thường chống đối, ông Clovis bèn mang gia đình di cư qua thành phố Lima, thuộc nước Peru với hy vọng rằng tại nơi ở mới này, gia đình ông sẽ được sự trợ giúp của một người chú giàu có và ông có thể chủ trương một tờ báo mới. Gia đình Gauguin rời nước Pháp vào ngày 8-8-1849 để đi Peru nhưng trên đường đi, ông Clovis đã qua đời vào ngày 30-10 vì bị đứt mạch máu và bà vợ Aline đã đến xứ Peru như một góa phụ cô đơn với hai con nhỏ. Nhưng bà Aline đã được gia đình giúp đỡ và sống sang trọng như một mệnh phụ Tây Ban Nha quyền quý. Đối với Paul Gauguin, cuộc sống tại miền đất này đã mang lại cho cậu nhiều kỷ niệm đẹp khó quên. Peru là xứ bán nhiệt đới, nhiều động đất và ít mưa, một miền đất với các sắc dân Trung Hoa, Ấn Độ và Phi Châu, một nơi mà người dân thuần hóa các loại khỉ thành các con vật trong nhà, tất cả những đặc điểm này đã để lại các kỷ niệm khó quên trong đầu óc của Paul Gauguin. Tuy nhiên, cuộc sống trường giả tại Peru chấm dứt vào năm 1855 khi bà Aline đưa gia đình trở về nước Pháp vì người cha chồng qua đời, để lại một tài sản cần được dàn xếp. Lý do bà Aline mang các con về Pháp cũng vì nghĩ tới

sự học của chúng: Paul đã 7 tuổi, chỉ biết nói tiếng Tây Ban Nha và quen với cuộc sống dễ chịu, hưởng thụ.

Khi quay lại Orléans, một thành phố màu xám với bầu trời âm u, Paul cảm thấy khác hẳn với phong cảnh trong sáng của miền nhiệt đới. Và trái với lối sống buông thả tại Lima, Paul Gauguin phải tuân theo kỷ luật nơi học đường. Do không thể kiếm ăn tại Orléans, bà Aline dọn nhà lên thành phố Paris, mở một cửa tiệm may nhỏ, để lại đứa con trai sống nội trú vài năm trong một trường học của nhà thờ.

Các năm đi học của Paul Gauguin tại Orléans và tại Paris sau này, đã không mang lại cho Paul các kỷ niệm nào đáng ghi nhớ. Paul chỉ là một học sinh tầm thường, không thiếu thông minh nhưng mang bản chất kiêu căng và cũng vì lý do này mà Paul đã không có bạn và không thành công ngoài xã hội. Vào năm 17 tuổi, cuộc đời đi học của Paul chấm dứt và Paul mơ ước trở nên một thủy thủ để có thể khám phá thế giới, tìm hiểu nhiều xứ sở xa lạ. Tháng 12 năm 1865, Paul Gauguin được tuyển làm thủy thủ cho một con tàu biển chở hàng từ Le Havre, nước Pháp, tới Rio de Janeiro, nước Brazil. Khi con tàu ghé bến Ấn Độ thì Paul Gauguin được tin bà mẹ qua đời khi 40 tuổi tại St Cloud, gần Paris vào ngày 7-7-1867, và đây là một nỗi bất hạnh lớn lao đối với Paul. Tháng 1-1868, Paul Gauguin rời bỏ thương thuyền, nạp đơn vào Hải Quân Pháp rồi hai tháng sau, được chỉ định phục vụ trên tàu Jerome

Napoléon. Con tàu chiến này đã đi tới các miền Biển Đen, Địa Trung Hải và Biển Bắc, ghé bến cảng của các thành phố Corfu, Naples, Trieste, Venice, Bergen, Copenhagen và London...

Sau khi chán cuộc sống đi biển, không ưa kỷ luật quân đội và sự thiếu thiện cảm nơi bạn bè, Paul Gauguin xin ra khỏi Hải Quân vào tháng 4-1871 và trở về St Cloud, tìm lại căn nhà của mẹ thì được biết nơi này đã bị quân Phổ đốt phá vào năm 1870. Paul Gauguin đã bị mất đi một di sản quý báu, đó là các bức tranh và đồ vật mà bà mẹ đã sưu tầm từ khi còn ở Peru. Nhưng Paul Gauguin lại gặp một may mắn khác, là có được một người bà con bảo trợ: ông Gustave Arosa, một thương gia giàu có, một nhà nhiếp ảnh có tài và cũng là một người sưu tầm nghệ thuật với các họa phẩm rất giá trị của Delacroix, Corot, Courbet, Daumier cũng như nhiều họa sĩ sau này nổi danh, thuộc trường phái Ấn Tượng.

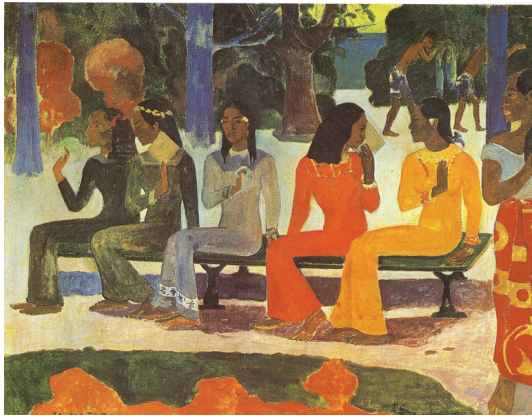
Ông Arosa đã giúp đỡ Paul Gauguin phụ việc cho một nhân viên bán cổ phần chứng khoán tên là Paul Bertin. Với công việc mới này, Paul Gauguin đã thành công, thế nhưng ngoài các giờ làm việc, Paul lại trở về với bản chất cô đơn, lui về sống trong căn nhà hạng trung và tìm đọc các văn phẩm của Edgar Allen Poe, Charles Baudelaire và Honoré de Balzac. Vào các chiều thứ bảy, Paul Gauguin thường lui tới các vũ trường và ưa thích giao du với vài phụ nữ. Paul Gauguin tuy là một con người cô đơn, tính tình ngang bướng nhưng cũng có một

người bạn trẻ hơn 3 tuổi rưỡi, cùng nơi làm việc, tên là Claude Emile Schuffenecker, được gọi tắt là Schuff. Điều kết thân hai người này lại với nhau là tình yêu hội họa trong khi đó, địa vị xã hội của Paul khá vững vàng nhờ công việc làm ăn phát đạt và chàng Paul bèn nghĩ tới việc lập gia đình.

Mùa thu năm 1872, Paul Gauguin gặp một thiếu nữ tên là Mette Sophie Gad. Sinh trên một hòn đảo thuộc xứ Đan Mạch, Mette và các anh chị em được bà mẹ nuôi dưỡng và do cuộc sống tự lập từ thuở nhỏ, Mette Sophie Gad mang một bản tính độc lập, tháo vát. Năm 17 tuổi, Mette giữ chân coi trẻ cho gia đình của vị thủ tướng Đan Mạch, nhờ đó có cơ hội tiếp xúc với giới thượng lưu trong xã hội, có tầm kiến thức rộng mở, hiểu biết hơn về thế giới bên ngoài. Vào năm 22 tuổi, Mette được cha của một người bạn gái tên là Marie Heegaard nhờ cùng đi với con gái của ông ta tới thành phố Paris và trong kỳ du lịch này, Paul Gauguin đã gặp hai thiếu nữ người Đan Mạch. Paul đã cảm thấy hấp dẫn nơi người thiếu nữ xa lạ vì nàng Mette có trí thông minh, tính ngay thẳng, khác hẳn với bản chất bình thường của các thiếu nữ Pháp. Hai người đã gặp riêng nhau nhiều lần rồi vào ngày 22-11-1873, một đám cưới đã được cử hành, cô dâu 23 tuổi và chàng rể 25. Cả hai đã sinh sống tại một căn nhà tiện nghi trong thành phố Paris và hi vọng vào tương lai tươi sáng.

2/ Bước vào Hội Họa.

Vài năm sau ngày cưới, Paul Gauguin đã thành công về tài chính mặc dù thị trường chứng khoán có giao động và nền kinh tế của nước Pháp và châu Âu có suy kém. Gia đình Gauguin này đã có 3 người con: con trai đầu Emile sinh năm 1874, con gái Aline năm 1877 và con trai thứ Clovis năm 1879. Trông bề ngoài, nhiều người đều tin rằng đây là một gia đình lý tưởng, hạnh phúc với tương lai giàu có đang chờ đợi. Nhưng cũng trong hoàn cảnh sung túc này, Paul Gauguin đã đam mê một thứ nghệ thuật và trách nhiệm này một phần cũng do người bạn Schuff tạo nên. Cả hai người đã tranh luận về Hội Họa và một số bạn khác đã khuyến khích Paul tập vẽ. Thế rồi vào các ngày chủ nhật, Paul mang giá vẽ và sơn màu ra ngoài ô thành phố Paris, và đôi khi cũng theo bạn bè, tham dự khóa học tại hàn lâm viện Colarossi. Được các bạn ca ngợi là có tài, Paul càng bỏ thời giờ vào nghệ thuật rồi tới năm 1876, bức họa phong cảnh của Paul Gauguin đã được Phòng Triển Lãm của chính quyền chấp nhận và treo bên cạnh các tác phẩm của các họa sĩ chuyên nghiệp, và rồi một bài báo đã ngợi khen cách sáng tạo độc đáo của Paul.



Lòng đam mê Hội Họa của Paul Gauguin còn được một người khác thúc đẩy, đó là ông Gustave Arosa. Các bức tranh treo tại nhà ông Arosa cùng với các lần thăm viếng nhiều viện bảo tàng tại Paris đã làm phát triển sự hiểu biết về kỹ thuật và nghệ thuật sáng tác, tạo cho Paul đạt được cách nhìn đề tài sắc bén. Paul Gauguin còn bị lôi cuốn bởi một nhóm họa sĩ đang chủ trương một đường hướng khai phá mới, họ thuộc Nhóm Ấn Tượng: Claude Monet, Pierre August Renoir, Alfred Sysley và Camille Pissaro... Những họa sĩ sáng tạo này có lối làm việc khác hẳn các nhà danh họa thời trước, họ trực tiếp đi vào thiên nhiên, ghi lại cảnh vật bằng các nét bút nhỏ, các nét chấm phá có màu sắc thuần chất, rực rỡ, để ghi lại các ấn tượng thoáng qua. Thế nhưng, các sáng tạo táo bạo này chưa được đa số dân chúng đương thời chấp nhận và ban giám khảo của các Phòng Triển Lãm công lập thường từ chối treo các họa phẩm mang tính cấp tiến.

Đối với các họa phẩm ấn tượng, Paul Gauguin lại bị lôi cuốn bởi những đặc tính riêng, những khám phá mới và ngoài ra, các tác phẩm treo trong nhà ông Arosa cũng làm cho họa sĩ tập sự Paul say mê. Paul Gauguin bắt đầu sưu tầm

một số họa phẩm rồi tới năm 1880, đã có tại nhà riêng một bộ sưu tập. Qua sự trung gian của ông Arosa, Paul còn được gặp gỡ nhiều nghệ sĩ, đáng kể là họa sĩ Camille Pissaro, vị thầy trực tiếp đầu tiên về hội họa.

Camille Pissaro sinh năm 1831 trên đảo St. Thomas, có cha là người Bồ Đào Nha gốc Do thái, mẹ thuộc đảo Tây Ấn. Năm 12 tuổi, Camille được cha mẹ gửi tới thành phố Paris để theo bậc trung học và chính nơi này đã làm phát triển lòng yêu thích nghệ thuật của cậu Camille. Năm 1852, Camille Pissaro trốn gia đình, qua xứ Venezuela vì không muốn theo nghề làm chủ tiệm nhỏ của cha, và sau đó đã được phép cha mẹ trở lại thành phố Paris để theo đuổi nghệ thuật. Tại kinh thành này của nước Pháp, do các họa phẩm bị ban giám khảo bác bỏ nhiều lần, Camille Pissaro phải cộng tác với nhiều họa sĩ khác để tìm ra đường lối cải tiến nghệ thuật hội họa.

Camille Pissaro đã hướng dẫn Paul Gauguin từ một họa sĩ tài tử, có năng khiếu, thành một họa sĩ chuyên nghiệp hữu hạng. Cả hai người đã vẽ cùng nhau trong các năm từ 1879 tới 1881 tại Pontoise, một ngôi làng nhỏ gần thành phố Paris và Paul Gauguin đã học được từ Pissaro cách dùng màu chính: đỏ, xanh, vàng và các màu thứ: lục, cam và tím. Cũng nhờ Pissaro, Paul Gauguin được giới thiệu với các họa sĩ ấn tượng và các nghệ sĩ này đã mời Gauguin gửi các họa phẩm trưng bày tại các kỳ triển lãm riêng của họ, và Gauguin đã đóng

góp bằng hai bức tượng bán thân của con trai, của bà vợ Mette cũng như một số tranh phong cảnh.

Trong kỳ triển lãm Ấn Tượng thứ 6 vào tháng 4-1881, các họa phẩm của Paul Gauguin đã được nhiều người ca ngợi, đặc biệt bởi Joris Kar Huysmans, một tiểu thuyết gia kiêm nhà thơ và cũng là một nhà phê bình có hạng. Về bức tranh khỏa thân *“Suzanne đang may”* của Gauguin, ông Huysmans đã viết: *“trong các họa sĩ vẽ khỏa thân, chưa có ai diễn tả sự thật một cách say đắm như vậy”*. Lời phê bình này đã là điều khuyến khích mạnh mẽ đối với chàng họa sĩ, cho nên vào kỳ triển lãm thứ 7, Gauguin lại đóng góp 13 họa phẩm. Paul Gauguin đã dùng các phương pháp của họa phái Ấn Tượng nhưng không có cùng quan điểm là nhấn mạnh vào tính linh hoạt nơi đề tài, mà dùng hội họa để ghi lại đặc tính bình yên, phẳng lặng, nhưng chứa nhiều sức sống của nhân vật trong tranh. Vào lúc đang say mê hội họa, Paul Gauguin phải chọn lựa hoặc là nghệ thuật, hoặc là ngành thương mại.

Tháng 1 năm 1882, thị trường chứng khoán tại Paris suy sụp. Các nhà đầu tư lớn nhỏ đã bị mất tiền, các công ty gặp cảnh phá sản, nhiều nhà môi giới chứng khoán bỏ nghề. Đây cũng là hoàn cảnh bắt buộc Paul Gauguin cống hiến mọi năng lực cho ngành Hội Họa. Tin tức Paul Gauguin bỏ nghề buôn chứng khoán đã là một điều xúc động lớn đối với bà vợ Mette. Tuy đã biết chồng say mê Hội Họa nhưng bà Mette không hiểu rõ rằng

độ say mê nghệ thuật đã làm cho Paul Gauguin sao lãng việc lo lắng tài chính cho gia đình, và bà Mette cùng các con từ lâu vẫn quen với cuộc sống phong lưu. Trước hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Paul Gauguin nghe theo các lời khuyên bảo của Pissaro nhưng chính Camille Pissaro cũng là một họa sĩ nghèo, đã từng gặp gian nan trong nhiều năm khi theo đuổi Nghệ Thuật. Và rồi Pissaro cũng không ngờ Gauguin nhất quyết không từ bỏ thú đam mê của mình: trên bản khai sinh của đứa con thứ năm Pola, vào ngày 6-12-1883, Paul Gauguin đã kê khai nghề nghiệp là “*Họa Sĩ*”.

3/ Theo đời nghệ sĩ.

Quyết định theo đuổi Hội Họa của Paul Gauguin đã khiến cho gia đình này rẽ qua một khúc quanh đặc biệt. Bà Mette trước kia là phu nhân của một doanh gia giàu có, nay bỗng trở nên vợ một nghệ sĩ không còn tài sản. Vào đầu năm 1884, gia đình Gauguin phải dọn nhà qua miền Rouen, thuộc phía bắc của nước Pháp, là nơi ít đất đỏ hơn. Paul Gauguin khi về nơi ở mới này đã hi vọng rằng có thể vẽ được các tấm tranh và các chân dung để bán cho người dân địa phương cũng như gửi bán tại thành phố Paris. Thế nhưng, cuộc sống không hẳn dễ dàng và hoàn cảnh sống của gia đình nghệ sĩ này thiếu đi các nhu cầu tối thiểu, và chàng họa sĩ trở nên một kẻ xa lạ ngay cả đối với bà vợ Mette. Tháng 10 năm 1884, bà Mette bỏ về Đan Mạch cùng với 5 con rồi một tháng sau, Paul

Gauguin cũng theo qua, xin làm công cho một công ty sản xuất loại vải không thấm nước.

Cuộc sống tại xứ Đan Mạch đối với chàng họa sĩ còn tệ hại hơn thời kỳ lưu ngụ tại Rouen. Paul Gauguin phải cố công học hỏi một ngôn ngữ mới đồng thời vẫn không thể kiếm sống cho gia đình trong khi đó bà Mette phải dạy tiếng Pháp và lãnh dịch các cuốn truyện tiếng Pháp sang tiếng Đan Mạch. Tháng 5-1885, trong một bức thư gửi cho Pissaro, Paul Gauguin đã viết: “*mỗi ngày, tôi tự hỏi có nên lên trên gác thượng và chòng vô cổ sợi dây thừng hay không?*” và “*tôi chỉ còn một khả năng là vẽ. Mọi việc làm khác khiến cho tôi trở thành ngu xuẩn*”.

Tháng 6 -1885, Paul Gauguin trở về Paris với đứa con trai Clovis, 6 tuổi, trong túi không còn tiền và rất ít hi vọng kiếm nổi miếng ăn. Chàng họa sĩ phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của một số bạn cũ. Việc bán tranh hầu như rất khó khăn vì nhà buôn tranh Paul Durand Ruel vào lúc này cũng gần như phá sản. Paul Gauguin và đứa con dọn từ căn phòng này qua căn nhà khác, với chiếc rương quần áo cũ mang về từ xứ Đan Mạch, và hai cha con chỉ ăn toàn bánh mì, do mua chịu. Rồi mùa đông tới, cháu Clovis mắc bệnh đậu mùa nhưng được một người quen chăm sóc và chàng họa sĩ Gauguin phải lãnh công việc dán bích chương tại các ga xe lửa với giá 5 quan tiền một ngày. Sau một thời gian làm công việc gian nan này, Paul Gauguin được thăng

cấp thành đốc công và tình trạng tài chính có khả quan hơn.

Vào đầu năm 1886, cuộc triển lãm hội họa ấn tượng đã gặp thất bại, các họa sĩ thành viên đã chia rẽ nhau và 3 họa sĩ đã không chịu tham gia vào nhóm là Renoir, Monet và Sisley, trong khi đó đường lối hội họa chấm điểm (Pointillism) đang được một số họa sĩ theo đuổi. Tất cả các hoạt động về hội họa kể trên đã làm lu mờ 13 họa phẩm và 1 tấm khắc gỗ của Paul Gauguin treo tại các kỳ triển lãm. Vào thời kỳ này, Paul Gauguin và bà vợ Mette chỉ trao đổi với nhau một vài bức thư qua đó Paul trách



vợ chỉ quen sống trong nhung lụa, đã bỏ rơi chàng và bà vợ Mette thì đòi hỏi chồng phải từ bỏ Hội Họa, quay về với ngành doanh thương như thuở trước.

Tháng 7 năm 1886, Paul Gauguin mượn được một người bà con xa một số tiền và chàng họa sĩ bèn cho con trai Clovis vào sống trong một ký túc xá, còn chính mình lên miền Brittany, thuộc vùng tây bắc của nước Pháp, trú ngụ tại làng Pont-Aven, cách bờ biển Đại Tây Dương 12 dặm.

Trong nhiều năm, Pont-Aven là nơi đã hấp dẫn nhiều họa sĩ từ các xứ Na Uy, Anh, Hòa Lan, Hoa Kỳ. Đây là một

làng có nông dân, ngư dân, và loại dân địa phương này đã không bị nền văn minh làm biến chất: các phụ nữ còn mặc các y phục truyền thống với nón trắng, với loại áo ren thêu tay cầu kỳ và chỉ với vài quan tiền, các thiếu nữ địa phương sẵn lòng làm người mẫu cho các họa sĩ sáng tác. Pont-Aven là nơi lý tưởng cho những ai muốn ghi lại trên khung vải các hình ảnh đặc thù của người dân, của

phong cảnh thôn dã, của bầu trời thường u ám, phủ kín nhiều điều bí ẩn của thiên nhiên. Đời sống tại Pont-Aven lại không đắt đỏ, nhất là khi họa sĩ thuê được một căn phòng của bà Marie Hoanne

Gloanec, chủ quán trọ, và bà chủ này không bao giờ bắt các nghệ sĩ trả tiền phòng đúng hẹn.

Thế rồi họa sĩ Paul Gauguin cũng thuê được một căn phòng phía trên của bà Gloanec, và do bản tính kiêu căng cố hữu, chàng họa sĩ đã không có bạn bè trừ một người mới quen biết tên là Charles Laval, trẻ hơn 14 tuổi. Người dân miền này đã coi chàng họa sĩ là một con người lập dị, sống cô đơn, không trò chuyện với ai, mỗi ngày mang giá vẽ ra đi, mặc một chiếc áo màu xanh của ngư phủ và đội một mũ nổi lếch qua một bên. Thế nhưng, sự táo bạo và sinh lực thể hiện trong các

họa phẩm của Paul Gauguin đã làm cho nhiều người phải nể trọng và Gauguin đã viết thư về cho vợ: *“anh được kính trọng là họa sĩ bậc nhất tại Pont-Aven... Mọi người đều bàn tán về anh”*.

Thời gian sáng tạo tại Pont-Aven của Paul Gauguin tới lúc kết thúc và đây cũng là lúc Paul Gauguin sống xa ảnh hưởng của Pissaro và các họa sĩ ấn tượng khác để làm phát triển một đường lối hội họa mới, đặc thù của chính mình. Trở lại thành phố Paris, Paul Gauguin lại nhận ra rằng rất khó mà sống bằng nghệ thuật sáng tạo. Chàng họa sĩ cũng thử bắt tay vào ngành đồ gốm nhưng bộ môn nghệ thuật nào cũng chỉ mang lại lợi nhuận tối thiểu và Paul đã viết thư cho vợ, nói rõ ý muốn ra đi một nơi hoang sơ, có khí hậu ấm áp vì tại đó, chàng có thể sống một cách rẻ tiền và giấc mộng này đã ám ảnh tới cuối đời của nhà danh họa.

Vào tháng 4 năm 1887, bà vợ Mette đã tới Paris, dẫn về Đan Mạch đưa con Clovis và kể từ nay, chàng họa sĩ được hoàn toàn tự do theo đuổi nghệ thuật rồi vài ngày sau đó, Paul Gauguin cùng với Charles Laval đã lên một con tàu biển, đi Panama. Khi tới nơi, cả hai đã thất vọng. Việc xây dựng kênh đào đã làm tăng giá sinh họa địa phương trong khi đó phong cảnh thiên nhiên cũng đã bị biến đổi khác xưa. Vì thế, hai chàng nghệ sĩ này bàn với nhau sẽ qua hòn đảo Martinique, ở xa hơn nữa trong vùng biển Caribbean. Và để có tiền trả cho vé tàu, Laval lãnh việc vẽ chân dung cho khách qua đường, còn Paul Gauguin trở

thành công nhân đào kênh, làm việc 12 giờ một ngày.

Khi đã kiếm đủ tiền vé tàu, hai người ra đi và sau khi bước lên hòn đảo Martinique, họ thuê một chiếc lều tranh bỏ trống, cách làng Saint Pierre vài dặm đường. Paul Gauguin đã khám phá ra ở nơi đây bản chất của màu sắc vì phong cảnh của miền nhiệt đới chan hòa ánh sáng mặt trời, trái hẳn với bầu trời u ám của miền Brittany. Chàng họa sĩ yêu mến miền nhiệt đới, một phần vì muốn thoát ly khỏi nền văn minh gò bó, một phần cũng vì muốn tìm lại niềm hạnh phúc của thời niên thiếu trước kia. Qua một bức thư gửi về cho bà vợ Mette, Gauguin viết: *“anh không thể mô tả nỗi cho em thấy niềm hứng khởi của anh được sống tại các thuộc địa Pháp”*. Thế nhưng, một khuyết điểm khác đã tới với chàng họa sĩ: thời tiết ẩm ướt của miền nhiệt đới cộng với thời gian lao động vất vả tại kênh đào Panama khiến cho Paul Gauguin bị mắc bệnh sốt rét và kiệt lực. Paul Gauguin đành phải quay trở về Pháp để điều trị nhưng trong thời gian sống tại đảo Martinique này, 12 họa phẩm rực rỡ của chàng họa sĩ, với đường nét diễn tả độc đáo, đã là đặc điểm khác hẳn với các họa sĩ đương thời.

4/ Về miền nam nước Pháp.

Paul Gauguin trở về Pháp vào tháng 11-1887, vừa gầy ốm, đau bệnh, vừa nghèo túng, để lại anh bạn Laval sống trên đảo Martinique. Từ lúc này, Gauguin phải sống nhờ vào sự trợ giúp của Schuff,

người bạn cũ. Các tiến bộ về hội họa của Gauguin, cách diễn tả độc đáo của chàng họa sĩ thiên về nghệ thuật hoang sơ (primitive art), đã không được ai chú ý đến, ngoại trừ một họa sĩ gốc Hòa Lan mà Gauguin gặp ít lâu trước khi lên đường đi Panama: Vincent van Gogh. Gauguin và Van Gogh là hai con người có tính khí khác hẳn nhau. Gauguin trầm tĩnh, ưa suy tư trong khi Van Gogh trẻ hơn 5 tuổi, lại là người nông nổi, bộc trực, nhưng cả hai lại có cùng một đam mê, đó là việc đi tìm kiếm đường hướng mới về cách diễn tả và cả hai cùng cộng tác với nhau vì cùng cảm thấy bị cô lập trước các phong trào nghệ thuật đương thời.

Van Gogh tới Paris năm 1886, sống với người em tên là Theo, người làm việc cho một cơ xưởng bán tranh. Và cũng nhờ Theo mà Gauguin đã bán được vài họa phẩm nhưng lợi tức đó không đủ. Sự việc này đã khiến cho Paul Gauguin phải quay về Pont-Aven, một nơi sinh sống rẻ tiền và nhờ vả vào sự rộng lượng của bà Gloanec.

Mùa đông năm 1888 tại Pont-Aven không phải là dễ chịu. Khí hậu nơi này khắc nghiệt, thị trấn vắng vẻ, các nghệ sĩ phương xa chỉ tới đây vào mùa xuân và mùa hè ấm áp trong khi đó Paul Gauguin chưa phục hồi được sức khỏe và lại quá nghèo, không đủ tiền mua vải vẽ. Paul Gauguin đã viết thư cho vợ, mô tả: “*cả ngày trong quán trọ từ sáng tới tối, anh không có ai để trao đổi, hàn huyên*“, còn trong bức thư viết cho Schuff, chàng họa sĩ đã tin tưởng rằng tại miền Brittany

này, nghệ thuật của chàng sẽ trở nên trưởng thành hơn: “*tôi yêu thích miền Brittany, vừa mộc mạc, vừa hoang dã*“, và “*tiếng guốc gỗ của tôi gõ lên sỏi đá, vừa sâu đậm, vừa trống trải, vừa mạnh mẽ, là những nét mà tôi tìm kiếm trong họa phẩm*“.

Cũng vào năm 1888, Van Gogh viết thư cho Gauguin nói về hi vọng sẽ lập nên một nhóm nghệ sĩ để bán tranh và làm thăng tiến nghệ thuật. Van Gogh mời Gauguin xuống Arles, thuộc miền nam, nơi sẽ có một số họa sĩ tham gia. Do Theo van Gogh đã nhận được một di sản nhỏ nhờ vậy nhà buôn tranh này đề nghị trả cho Gauguin mỗi tháng một món tiền để đổi lấy một họa phẩm, với điều kiện Gauguin tới cư ngụ với Vincent van Gogh, và cả hai cùng chia xẻ phí tổn. Vào lúc này Paul Gauguin cảm thấy không cần vội vàng vì mùa hè sắp tới tại Pont-Aven.

Paul Gauguin lại mới quen với Emile Bernard, một thanh niên 20 tuổi, yêu thích văn chương, âm nhạc, triết lý và nghệ thuật. Cả hai người có cùng quan điểm là phải diễn tả nội tâm, bày tỏ cách nhìn sự vật qua họa phẩm, hơn là chỉ sao chép thiên nhiên như các họa sĩ Ấn Tượng chủ trương. Gauguin viết thư cho người bạn Schuff: “*Đừng sao chép thiên nhiên quá đáng. Nghệ thuật là trừu tượng. Hãy vẽ từ thiên nhiên ra nghệ thuật như bạn mơ về sự hiện hữu của thiên nhiên*” và Gauguin cùng Bernard chủ trương đường lối “*Biểu Tượng*” (Symbolism).

Tới mùa thu năm đó, Bernard trở về Paris thì mùa sáng tác cũng chấm dứt. Gauguin đành nhận lời đề nghị của Theo. Cuối tháng 10 năm 1888, sau khi đã gửi đi một số họa phẩm cho Theo, Gauguin xuống miền Arles, nơi mà Van Gogh đang trông đợi và hi vọng Gauguin sẽ sống trong một năm. Hai tháng sống với Van Gogh là thời gian để Gauguin nhận ra sự khác biệt quá xa ở hai con người nghệ sĩ. Gauguin là người ngăn nắp, thích trật tự, đã không chịu nổi sự luộm thuộm, vô thứ tự của Van Gogh và trong khi Gauguin lo nấu ăn, lo xếp dọn thì Van Gogh lại chẳng bận tâm gì cả. Arles là nơi mà Van Gogh yêu mến thì đối với Gauguin, đây là “*thị trấn đơ bẩn nhất của miền nam*”. Người dân nơi đây, kể cả phụ nữ và phong cảnh, đã thiếu hẳn đặc tính ám ảnh và bí ẩn của miền Brittany và vì vậy sẽ xảy ra xung đột giữa hai họa sĩ với tính tình quá tương phản này.

Rồi vào đêm 23 tháng 12, Paul Gauguin nghe thấy tiếng chân một người đuổi theo phía sau, và nhìn thấy Van Gogh đang đe dọa mình bằng một con dao trên tay. Tối hôm đó, Gauguin qua đêm tại một quán trọ và Van Gogh bị hoảng loạn tâm tư, đã dùng dao cắt vành tai bên trái của mình. Sáng ngày 25 sau đó, Paul Gauguin bỏ về Paris. Trong thời gian sinh sống tại Arles, Paul Gauguin cũng sáng tác được một số họa phẩm trong đó có bức chân dung của Van Gogh và bức “*Các bà già tại Arles*” (Old Women at Arles).

Paul Gauguin trở về sống tại miền Brittany trong vài năm. Mùa xuân năm 1889, cả thành phố Paris đang dạo dục chuẩn bị Hội Chợ Thế Giới, kỷ niệm 100 năm cuộc Cách Mạng Pháp. Vào dịp trọng đại này, sẽ có triển lãm hội họa, nhưng Paul Gauguin không có tên trong danh sách các họa sĩ được mời tham dự. Nhưng rồi anh bạn Schuff đã kiếm ra được một căn phòng trưng bày trong một quán cà phê, không xa khu Hội Chợ. Tin này tới Pont-Aven và Paul Gauguin vội vã trở về Paris để trông coi phần trang trí. Gần 100 tấm tranh đã được trình bày, gồm các sáng tác của Bernard, Schuffenecker và Van Gogh, riêng Gauguin có 17 tấm. Mặc dù các cố gắng, phòng triển lãm kể trên đã không thành công, không bán được một họa phẩm nào nhưng bù lại, nhiều họa sĩ đã nhìn nhận Paul Gauguin là người dẫn đầu một phong trào hội họa mới.

Thất vọng, Paul Gauguin trở về Pont-Aven rồi do nhận thấy nơi này quá ồn ào, quá đông loại nghệ sĩ tầm thường, Gauguin dọn tới Le Pouldu cách đó 10 dặm. Paul Gauguin đã tìm thấy tại nơi ở mới này người bạn cũ Laval và người bạn mới Jacob Meyer de Haan, một họa sĩ người Hòa Lan, người cho chia sẻ một phần thực phẩm. Và cùng với một số họa sĩ trẻ, Paul Gauguin đã thảo luận và hướng dẫn họ trên con đường sáng tạo. Trong thời kỳ này, một số họa phẩm của Paul Gauguin đã xuất hiện như bức “*Các người gom rong biển*” (the Seaweed Gatherers) hay bức “*Chúa Ki Tô màu*

vàng” (Yellow Christ). Pissaro đã phê bình nghệ thuật của Paul Gauguin qua họa phẩm này là mang đường hướng chống xã hội, vừa độc đoán, vừa thần bí. Quả vậy, Paul Gauguin là con người của niềm tin và tập quán, ưa chuộng tình cảm và tự do cá nhân. Trong khi các họa sĩ Ấn Tượng tìm kiếm sự đổi mới và tiến bộ, thì Paul Gauguin lại theo đuổi một niềm tin siêu hình. Họa sĩ đã mô tả qua bức họa “*Chúa Ki Tô màu vàng*” hình ảnh của Thượng Đế chết trong thân thể con người, nhưng đây cũng là cách biểu lộ nổi thống khổ của nhà danh họa. Paul Gauguin coi làm nghệ thuật như một sứ mạng, một bổn phận, vì vậy mà bỏ qua hạnh phúc gia đình, với niềm tin là thứ cần thiết cho đời sống, và như vậy nghệ thuật hội họa của Paul Gauguin đã mang một tầm vóc tôn giáo. Nổi buồn miên man của nhà danh họa còn được thể hiện qua họa phẩm “*Chân dung tự biếm họa*” (Caricature Self-Portrait - 1889), với vẻ kiêu hãnh trước kia bị thay thế bằng sự ngã lòng, phiền muộn.

Mặc dù sáng tạo ra các họa phẩm đặc sắc, Paul Gauguin đã không kiếm ra tiền và nổi ám ảnh về cuộc sống tạm đủ trên một hòn đảo xa xôi lại hiện về với chàng họa sĩ. Tháng 2 năm 1890, Paul Gauguin trở về Paris, xin Bộ Thuộc Địa Pháp cho một chức vụ tại xứ bảo hộ Bắc Kỳ, ngày nay là Việt Nam, thế nhưng lời xin này đã không thành. Paul Gauguin lại trù tính xin đi đảo Madagascar để tại đó, sáng tác rồi gửi các họa phẩm về cho Theo van Gogh. Thế nhưng ngày 1 tháng 8,

Gauguin được tin Vincent van Gogh qua đời, Theo phải vào bệnh viện và xin rút lui khỏi cơ sở bán tranh. Từ nay, Paul Gauguin bị mất đi một người yểm trợ đặc lực.

Do tìm đường đi tới một hòn đảo thật xa, Paul Gauguin đã rao bán một số tranh sưu tầm. Vào thời kỳ này, trung tâm của trào lưu văn nghệ là các nhà văn biểu tượng Stephane Mallarmé, Paul Verlaine và Arthur Rimbaud... và đồng thời, Paul Gauguin cũng được coi là một họa sĩ tiên phong về đường lối biểu tượng của bộ môn Hội Họa. Mỗi chiều thứ Ba, các nghệ sĩ đã hội họp tại tư gia của Mallarmé, cùng nhau thảo luận về đường hướng mới của Nghệ Thuật. Cũng vào năm 1886, Jean Moréas đã cho phổ biến Bản Tuyên Ngôn Biểu Tượng (the Symbolist Manifesto) và vì thế nhóm nghệ sĩ này được đặt tên là các nhà biểu tượng (the Symbolists). Do các bài báo của các nhà biểu tượng kể trên, có một số người mua các họa phẩm của Paul Gauguin trong kỳ đấu giá tại khách sạn Drouot ở Paris vào ngày 23 tháng 2 và nhờ đó Paul Gauguin đã có một món tiền để qua châu Mỹ.

Ngày 1 tháng 4 năm 1891, Paul Gauguin xuống tàu qua đảo Tahiti, mang theo bên mình 2 cây đàn măng cầm, 1 cây đàn ghi-ta, 1 cây kèn Pháp và 1 cây súng săn cùng với một số tài liệu về nghệ thuật của các xứ Hy Lạp, Ai Cập, Nhật Bản, nhiều bản chụp các bức tranh thuộc thời kỳ Phục Hưng và Baroque...

5/ Cuộc sống tại Tahiti.

Paul Gauguin tới thành phố Papeete vào ngày 6-6-1891. Đây là thủ đô của hòn đảo Tahiti với dân số độ 3 ngàn người. Người dân địa phương đã chú ý tới chàng họa sĩ lập dị: tóc dài tới vai, đầu đội mũ cao bồi, mặc áo nhung màu nâu, họ gọi Gauguin là “*taata-vahine*” hay người đàn bà nửa đàn ông. Paul Gauguin đã thấy phong cảnh của thành phố này có kiến trúc tây phương, bằng gạch, xây cất lộn xộn còn dân chúng bỏ y phục truyền thống mà ăn mặc theo lối mới, vừa lố lăng, vừa thiếu vẻ đặc thù của địa phương bởi vì họ đã bị ảnh hưởng của các thủy thủ, các nhà buôn, các nhà truyền giáo từ châu Âu.

Ba tháng sau ngày đặt chân lên đảo, Paul Gauguin định cư tại khu vực Mataiea, cách xa 30 dặm về phía bờ biển. Cư dân ở đây chỉ gồm 516 người, sống trong các chòi lá và nhà nhỏ, rải rác nằm dưới bóng các cây gồi. Từ trong chòi lá nhìn ra là biển xanh, rừng dừa và cây cối xanh tươi mọc trong ánh nắng chan hòa. Paul Gauguin bắt đầu làm việc, ghi lại cảnh vật và đời sống của dân địa phương qua trí tưởng tượng và nhận thức cá nhân.

Vào đầu năm 1892, Paul Gauguin mới nhận ra các khó khăn trong cuộc sống tại Mataiea. Số tiền mang theo từ nước Pháp đã cạn trong khi chàng họa sĩ lại không nhận được tiền bán họa phẩm gửi tới từ Paris. Đời sống tại hải đảo này ít tốn kém thật nhưng chỉ với người bản xứ, họ sống bằng cách bắt cá, săn thú,

hái trái cây rừng trong khi chàng họa sĩ lại sống bằng bánh mì và thực phẩm bán tại các cửa hàng. Sau vài tháng, Paul Gauguin bắt đầu lâm bệnh vì suy dinh dưỡng và do không có tiền trả, bệnh viện cũng từ chối chữa trị. Dù vậy, do bản chất ngang bướng, Paul Gauguin định dọn tới các đảo Marquesas nằm cách Tahiti 750 dặm về phía đông bắc, là nơi có thổ dân còn sống trong cảnh hoang sơ, chưa bị nền văn minh làm hư hỏng.

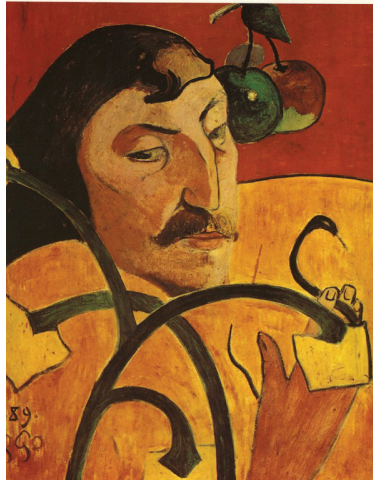
Sau một năm sống tại Tahiti, Paul Gauguin đã hoàn thành được 35 họa phẩm với hàng trăm trang phác thảo để sau này có thể khai triển thành các bức tranh độc đáo. Cũng vào lúc này, chàng họa sĩ thấy không có đủ tiền mua vé tàu biển trở về Pháp mà cũng không còn tiền mua thực phẩm để sống tại địa phương. Paul Gauguin bèn viết một lá đơn về Paris mô tả sự bần cùng của mình và xin chính quyền Pháp trợ giúp. Trong 4 tháng chờ đợi, chàng họa sĩ Gauguin vẫn thực hiện các chuyến đi vào các miền xa xôi, hoang sơ của đảo, hi vọng tìm hiểu về bản tính của các sắc dân địa phương và cũng tìm kiếm một “*vahine*” hay một người vợ trẻ, theo như tập quán của các người tây phương thuộc địa. Thế rồi chàng họa sĩ lập dị cũng trở về Mataiea với một “*vahine*” thổ dân, 13 tuổi, tên là Tehamana. Và cũng từ nay, người vợ nhỏ tuổi này, vừa đẹp, vừa dịu dàng, đã chăm sóc chàng nghệ sĩ từng bữa ăn, từng nếp sống mỗi ngày và Gauguin bắt đầu vẽ, vẽ rất nhiều chân dung của

Tehamana, vẽ các phong cảnh nhiệt đới nhiều màu sắc.

Paul Gauguin rời đảo Tahiti, trở về nước Pháp vào ngày 30-8-1893 với hi vọng 60 họa phẩm sáng tác tại Tahiti có thể mang lại cho mình danh vọng và tiền bạc. Thế nhưng, các may mắn chưa đến và chàng họa sĩ vẫn phải sống nhờ sự trợ giúp rộng lượng của các bạn bè. Vào lúc này, Paul Gauguin được nhà buôn tranh Durand Ruel hứa cho mượn địa điểm triển lãm và qua sự giúp đỡ của một người bạn cũ là Charles Morice, một cuộc ra mắt tranh đã trình bày trước công chúng 41 họa phẩm vẽ từ Tahiti, 3 bức vẽ tại miền Brittany và 2 bức điêu khắc. Trước những đề tài xa lạ, cách dùng màu sắc khác thường như vẽ biển màu vàng, lá cây màu tím, các người xem tranh đã chê bai, diễu cợt cách diễn tả của nhà danh họa và một bài báo đã kể lại rằng một bà xem tranh đã hét lên khi nhìn thấy con chó được mô tả bằng màu đỏ.

Thế nhưng, trước những tiến bộ, những khám phá mới lạ này, cũng có một số người ca ngợi. Nhà thơ số một về đường lối biểu tượng (Symbolist poet) là Stéphane Mallarmé đã viết ra cảm tưởng của mình trước các họa phẩm của Paul Gauguin: *“Thật là đặc sắc vì những kỳ bí như thế được diễn tả ra bằng các vẽ rục*

rở”. Ngày 25-11, kỳ triển lãm tranh của Paul Gauguin chấm dứt với 11 họa phẩm được bán, mang về một số tiền nhỏ đủ trang trải các chi phí. Và mặc dù sự thất bại về tài chính, Paul Gauguin vẫn vui mừng và đã viết thư cho bà vợ Mette: *“Cuộc triển lãm tranh của anh đã không mang lại các kết quả mong muốn nhưng vẫn là một thành công về mặt nghệ thuật*



và nó đã gây nên cả sự giận dữ lẫn ganh ghét”. Trong khi đó bà vợ Mette lại chẳng hề quan tâm tới sự thành công về nghệ thuật của chồng, bà ta đã chán nản trước người chồng bất tài, không thể kiếm đủ tiền nuôi gia đình lại mang tính ích kỷ, vô trách nhiệm. Cuộc hôn nhân như vậy không còn hi vọng hòa giải. Trong khi đó, Paul Gauguin dần

dần nổi danh là một họa sĩ lập dị trong giới trí thức của thành phố Paris.

Vào tháng giêng năm sau, sau hơn một tháng khi phòng triển lãm đóng cửa, Paul Gauguin nhận được một di sản của một người chú để lại, nên đã có tiền thuê 2 căn phòng trên lầu của một tòa nhà tọa lạc tại bên trái bờ sông Seine của thành phố Paris, nơi mà phần lớn các nghệ sĩ sinh sống. Do nổi danh là một con người khác thường, Paul Gauguin đã trang trí các bức tường trong nhà bằng màu vàng bóng và màu xanh ô-liu rồi trên tường treo các họa phẩm ưa thích

cùng với các kỹ vật bằng gỗ, chạm chổ, do chính họa sĩ điêu khắc hoặc mua từ các xứ nhiệt đới. Paul Gauguin cũng sống chung với một thiếu nữ 13 tuổi, người gốc đảo Java tên là Annah cùng với một con khỉ nhỏ Taoa. Tại hai căn phòng trang trí đặc biệt này, Paul Gauguin đã mời tới hội họp vào mỗi tối thứ Năm các họa sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ. Các nghệ sĩ này đã ca hát, thảo luận và nghe Paul Gauguin kể lại các câu chuyện du lịch cùng các ý tưởng về nghệ thuật. Paul Gauguin trở nên một nhân vật trong giới văn nghệ sĩ của thành phố Paris. Cũng vào thời kỳ này, chàng họa sĩ đã không sáng tác mà dồn thời giờ, cộng tác với Charles Morice, biên soạn một cuốn sách có tên là Noa Noa với ý nghĩa là “Đất Thơm” (Fragrant Land) qua đó, Paul Gauguin hi vọng sẽ cất nghĩa các hình ảnh độc đáo của hòn đảo Tahiti, cùng với phần sao chép các bài viết của một người Bỉ về các tập quán và tín ngưỡng của thổ dân.

Sau khi cuốn sách Noa Noa được xuất bản vào tháng 3 năm 1894, Paul Gauguin trở về sống tại miền Brittany nhưng lần này, chàng họa sĩ đã gặp một tai họa. Ngày 25-5 khi cùng với Annah và vài người bạn khác thăm viếng ngôi làng đánh cá nhỏ Concarneau, cô nàng Annah bị một số ngư dân thóa mạ và chàng họa sĩ Gauguin đã xung đột với họ trong một trận ẩu đả. Bị gãy chân, Paul Gauguin đã không đi được, không sáng tác được. Tinh thần của nhà danh họa suy sụp. Gauguin đã viết cho

Schuffenecker: “*kể từ khi theo lối sống đơn giản nơi hải đảo, tôi chỉ nghĩ tới một điều là sống xa lánh các người khác. Người châu Âu đã thù nghịch với tôi, các người hoang dại tốt bụng sẽ hiểu tôi*”. Tối khi trở về Paris vào ngày 14-11, chàng họa sĩ bị sửng sốt vì toàn thể căn phòng đã bị cô gái Annah lục lọi, lấy đi những gì coi là giá trị, chỉ để lại các họa phẩm. Quá chán nản, Paul Gauguin bèn mở một cuộc bán tranh bắt đầu vào ngày 2-12, gồm các bức màu nước, sơn dầu, điêu khắc, khắc gỗ. Đã có nhiều nghệ sĩ, văn sĩ và các nhà sưu tập tới thăm căn phòng bán tranh này nhưng cho tới ngày đóng cửa, số tiền thu được vẫn không đủ cho Paul Gauguin mua nổi một vé tàu đi Tahiti. Rồi một cuộc bán đấu giá thứ hai tổ chức vào ngày 2-2 năm sau cũng không mang lại số tiền mong đợi. Nhà danh họa phải trì hoãn chuyến đi, một phần cũng vì toàn thân bị mụn đỏ, có lẽ do bệnh giang mai.

6/ Chết nơi tha hương.

Ngày 3-7-1895, Paul Gauguin xuống tàu, đi sang đảo Tahiti nhưng vào lần đi này, chàng họa sĩ không có một chủ đích như lần đi trước đó 4 năm, mà chỉ ra đi vì tự cảm thấy cuộc sống của chính mình vô dụng trên đất Pháp và muốn định cư vĩnh viễn tại một xứ nhiệt đới. Paul Gauguin tới thành phố Papeete vào ngày 9-9 và thấy rằng mọi cảnh vật đã đổi khác, vừa văn minh hơn, vừa tây phương hóa. Sau đó, chàng họa sĩ đi tới khu vực Punaauia cách thủ đô Papeete 8 dặm và

thuê tại nơi này một cái chòi lợp bằng lá dừa. Trong năm đầu sống trên hải đảo, Paul Gauguin vẫn phải lệ thuộc vào món tiền và các tin tức từ Paris. Nhà danh họa sống rất cô đơn vì người vợ địa phương Tehamana khi trước, đã lấy chồng khác, thay thế bằng một cô gái tên là Pahura, 14 tuổi, vừa kém thông minh, vừa không biết thông cảm.

Paul Gauguin vào thời gian này lâm bệnh nặng trong khi không có tiền. Tháng 7 năm đó, chàng họa sĩ bị đau đớn toàn thân, rồi được điều trị tại bệnh viện địa phương như một thổ dân. Nhưng rồi cơn bệnh cũng qua khỏi và Paul Gauguin bắt đầu sáng tác. Nhiều họa phẩm đã được hoàn tất trong đó có bức vẽ lớn tên là “*No te aha oe iri*” (Tại sao mà giận dữ - 1896). Nhà danh họa đã gửi về Paris một số tranh rồi tới tháng 12, nhận được một ngân phiếu khá lớn từ một người bán tranh, nhờ đó đã trang trải được một số nợ nần và có thể tiếp tục sáng tác. Trong khi nhà danh họa đang phấn khởi thì lại được bà vợ Mette báo tin đứa con gái Aline, 21 tuổi, đã qua đời vì bệnh sùng phổi. Trong tất cả các con, Paul Gauguin yêu thương Aline nhất. Nhà danh họa trở nên tuyệt vọng và không còn muốn viết thư về cho người vợ nữa.

Từ lúc này, sức khỏe của nhà danh họa dần dần suy kém, làn da sần sùi, mẩn đỏ đã khiến cho các thổ dân lánh xa vì họ cho rằng đó là triệu chứng của bệnh cùi. Luôn luôn cái chết ám ảnh nhà danh họa. Ngày 30-9, Paul Gauguin viết cho người bạn họa sĩ duy nhất là Georges Daniel de

Monfreid: “*Cuộc hành trình tới đảo Tahiti của tôi là một chuyến đi điên khùng, sự việc đã chuyển thành buồn thảm và khốn khổ, tôi không nhìn thấy lối ra ngoài trừ cái chết là thứ giải quyết mọi vấn đề*”. Dùng tới năng lực cuối cùng, Paul Gauguin quyết định vẽ một họa phẩm có tính “*di chúc*” và khi hoàn thành vào cuối tháng 10, nhà danh họa đã đặt tên cho sáng tác này là “*Chúng ta từ đâu tới, chúng ta là gì, chúng ta đi đâu ?*”. Sau đó, Paul Gauguin quyết định chấm dứt cuộc đời. Nhà danh họa đã leo lên một ngọn núi gần đó, chọn lựa một chỗ chết vừa ý rồi uống một liều thạch tín (arsenic) mang theo. Nhưng lượng thạch tín quá lớn khiến cho nhà danh họa bị ói mửa và không chết được.

Trong thời gian 4 năm về sau, Paul Gauguin đã không thể đi đứng dễ dàng nên không thể vẽ được nhiều. Nhà danh họa quay sang viết các bài bình luận có tính chỉ trích chính quyền địa phương cho tờ báo Con Ong Bò Vẽ (Les Guepes). Cũng vào lúc này, nhà buôn tranh ở Paris là Ambroise Vollard đã đề nghị trả hàng tháng cho Paul Gauguin một món tiền để đổi lấy một số họa phẩm ấn định. Vì cảm thấy không còn giàu trí tưởng tượng khi sống tại Tahiti nữa, Paul Gauguin đã thanh toán mọi tài sản rồi tới thị trấn Atuona, là thủ đô của hòn đảo thứ hai Hivaoa vào ngày 16-9-1901. Tại nơi này, nhà danh họa đã mua một căn nhà hai tầng, được đặt tên là “*Căn nhà của niềm vui*” (the House of Pleasure), trên tường có trang hoàng rực rỡ bằng

nhiều họa phẩm, và nhà danh họa cũng kiếm ra được một người vợ địa phương tên là Vaeoho để sống chung và lo lắng công việc trong nhà.

Kể từ tháng 1-1902, sức khỏe của Paul Gauguin khả quan hơn nên nhà danh họa có thể cầm cọ trở lại. Đây là giai đoạn sáng tác khá phong phú với cách thử nghiệm mới về màu sắc. Nhiều họa phẩm được hoàn thành: chân dung, tĩnh vật, phong cảnh, các hoạt cảnh thần thoại, và Paul Gauguin đã viết thư cho Monfreid, cho biết sẽ gửi về 32 tác phẩm, 20 tấm tới nhà buôn tranh Vollard và 12 tấm tới Monfreid. Đây cũng là thời kỳ sáng tác cuối cùng của nhà danh họa.

Do không thể đi đứng và cầm cọ dễ dàng, Paul Gauguin trở nên con người gầy gò, không chịu đóng thuế cho chính quyền và nhà thờ địa phương mà còn xúi dục người dân bản xứ phản kháng, đòi hỏi các quyền lợi. Ngày 27-3-1903, nhà danh họa bị đưa ra tòa vì tội phỉ báng một nhân viên cảnh sát, rồi bị kết án 3 tháng tù. Trước khi bị tổng giam, Paul Gauguin đã ở trong tình trạng rất yếu kém về sức khỏe, thân mình luôn luôn đau đớn và không thể an giấc nếu không dùng tới loại thuốc chứa á phiện (morphine). Nhà danh họa biên thư cho Monfreid, nói rõ ý muốn trở về Paris để tìm cách điều trị nhưng người bạn đã khuyên nhà danh họa không nên trở về, vì *“Anh là một họa sĩ vừa độc đáo, vừa mang huyền thoại, anh đã thuộc về lịch sử của Nghệ Thuật”*. Quả vậy, việc trở

về Paris sẽ phá hỏng huyền thoại đã có và ảnh hưởng tới vị trí của nhà danh họa trong vai trò sáng tạo.

Ngày 8 tháng 5 năm 1903, người thợ mộc Tioka sống gần đó, tạt qua thăm thì đã thấy nhà danh họa bất động. Paul Gauguin đã qua đời trong cô đơn và được chôn cất trong một nghĩa địa công giáo tại Atuona.

Tin về cái chết của Paul Gauguin tới Paris vào tháng 8, khiến cho dân chúng Pháp bắt đầu tìm hiểu về huyền thoại và cuộc đời của nhà danh họa lập dị. Nhiều người đã tới coi Phòng Triển Lãm Ambroise Vollard, nơi trưng bày 50 họa phẩm và 27 bức vẽ nét, tất cả chứng tỏ Paul Gauguin là một nghệ sĩ xuất sắc, độc đáo. Có hàng trăm cuốn sách viết về tiểu sử của nhà danh họa và các Viện Bảo Tàng của nhiều nước trên khắp thế giới đã trưng bày nhiều họa phẩm của Paul Gauguin qua đó, cách dùng màu sắc và hình thể táo bạo của nhà danh họa vừa can đảm, vừa cải cách, đã ảnh hưởng tới hàng chục họa sĩ lớp sau, đáng kể là Henri Matisse và Pablo Picasso.

Nhà danh họa Paul Gauguin đã sống trong hai thế giới và đã mô tả qua các họa phẩm đặc sắc thứ thế giới nguyên thủy, vừa đơn giản, vừa mộc mạc, gần với thiên nhiên, một thiên đường khác biệt với xã hội trưởng giả của thành phố Paris./.

PHẠM VĂN TUẤN

(Virginia)

CÒN LẠI MẤY VẪN THƠ

Chỉ còn vương lại mấy vần thơ
Mây tím thu buồn của Huế xưa
Đỉnh Ngự vẫn gieo ngời ý mộng
Giòng Hương tứ dẹt rạn niềm mơ
Lời ca Lưu Thủy sầu Thiên Mụ
Điệu nhạc Nam Bình nhớ Đế Đô
Ai biết nổi lòng người viễn xứ
Chỉ còn vương lại mấy vần thơ.

KIỀU ANH
(Minnesota)

VẪNG TRĂNG VÀ NỖI NHỚ

*Ngàn sau trăng vẫn trăng xưa
Trăng đêm nay vẫn trăng mơ thuở nào*
HSL

Một vầng trăng thái cổ
Tan giữa ngàn sao sa...
Trăng nào của riêng ta?
Trăng chìm trong biển nhớ!
Trăng nào chung đôi lứa?
Tình nào không phong ba?
Mai anh về, đường xa
Chim bằng đôi cánh mỗi

Lệ em sầu hoen gối
Phố cũ trời giăng mưa...

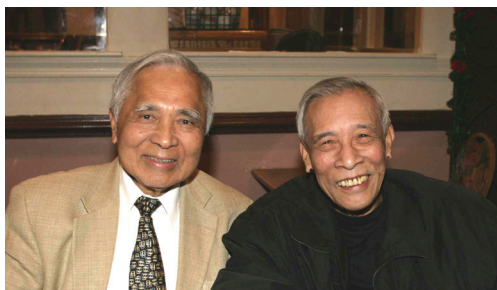
*

Trên lối nhỏ mòn xưa
Ngã ba buồn mắt đỏ
Em ơi! Vầng trăng vỡ
Tình úa tuổi xuân thì!
Đời được mấy cơn mê
Sao tình nghe vội vã?
Lệ em còn chan chứa
Năm ngón nhỏ tay mềm
Vầng trăng xót nỗi niềm
Đêm đen sầu ngóng đợi.

*

Trăng xưa về dẫn lối
Ru hồn vào cơn say
In dấu cũ phương này
Anh đi tìm bóng vỡ
Vầng trăng và nỗi nhớ
Một thuở tình chia hai!...

HOÀNG SONG LIÊM
(Virginia)



Nhà thơ Hoàng Song Liêm và nhà văn Uyên Thao

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐAO

GS Phạm thị Nhung

KỶ II

NGƯỜI TÌNH NỮ TRONG CA ĐAO VIỆT NAM

Tình yêu, có thể nói, đã hiện hữu từ khi có sự hiện hữu của loài người trong trời đất bao la và miên trường này.

Và ca dao Việt Nam đã phản ánh tâm hồn lãng mạn cùng tình cảm yêu đương dào dạt, sâu đậm của những người tình đầu tiên, cũng là những người tình muôn thuở của dân tộc. Những câu ca dao ấy tưởng chừng mộc mạc đơn sơ, nhưng có biết đâu đã vô tình chứa đựng cả một triết lý về tình yêu bất tuyệt của loài người :

*Đó ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng
Đó ai quét sạch lá rừng
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây.*

Tình yêu dang dặc như sông nước, cao rộng như mây trời, mệnh mỏng như đồng lúa và hững hờ sa số như lá rừng rơi, thử hỏi giáo lý nào, quyền lực nào có thể hủy diệt được? Đó chính là lý do dù sống dưới chế độ phụ quyền phong kiến, chịu ảnh hưởng nền giáo dục khe khắt của Nho giáo, người tình nữ trong ca dao VN

vẫn không thôi mơ mộng và tình yêu của các nàng tuy có e ấp nhưng vẫn không giấu được vẻ nồng nàn tha thiết.

Thực thế, người phụ nữ VN với bản tính đa cảm, lãng mạn nên trong tuổi hoa mộng thường hay có những mơ ước vẫn vơ về một cảnh sống hạnh phúc nên thơ :

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.*

Nhưng khi nghĩ đến tương lai đầy bất trắc, làm thân con gái không tự quyết được cuộc đời của mình, mà “*gái chính chuyên chỉ lấy một chồng*”, trong nhờ đục chịu, bảo sao nàng không âu lo, thắc mắc :

*Lênh đênh một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết gửi mình về đâu?*

Hoặc :

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?*

Dẫu sao, nàng phải luôn luôn thận trọng, cân nhắc, vì nhớ lời cha mẹ thường dặn dò trong việc chọn bạn trăm năm :

*Dặn con con có nghe cho
Chọn người quân tử, dối no cũng đành.*

Nhưng người quân tử, mẫu người chồng lý tưởng của nàng như thế nào đây? Sống trong xã hội trọng văn học

như xã hội ta, “người ấy” trước hết phải là một văn nhân trí thức :

*Ước gì cho Bắc hợp Đông
Cho chim loan phượng, ngô đồng sánh đôi.
Ước gì cho quế sánh hồi
Ước gì ta sánh được người văn nhân.*

Lấy được người chồng khôn ngoan học giỏi, tương lai nàng hẳn có phận nhờ:
*Phận gái lấy được chồng khôn
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.*

Song sống ở đời, vàng thau lẫn lộn, mà người lý tưởng lại quá hiếm hoi:
*Một vũng nước trong dăm bảy dòng
nước đục
Một trăm người tục không được một
chục người thanh.
Một mình em đứng giữa mạn thuyền
Biết lấy ai mà trao duyên gởi phận
cho đẹp lòng thế gian.*

Và ngay chính nàng, ai biết được giá trị tài đức của nàng mà tìm đến, nên chi nàng chỉ còn biết mong mỏi chờ trông :

*Còn đang chọn đá thử vàng
Ngọc lành ai quấy ra đường bán rao.
Quan quan hai chữ thư cư
Mong người quân tử hảo cầu kết duyên.*

Nếu không lấy được người văn nhân quân tử thì nàng cũng mong ước được kết nghĩa vợ chồng với đấng anh hùng trượng phu :

*Lộc còn ẩn bóng cây tùng
Thuyền quyền đợi khách anh hùng
sánh vai.*

Người khách anh hùng ấy hẳn phải tìm trong đám tướng sĩ :
Trai khôn kén vợ chợ đông

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

Hiện giờ trong đám thanh niên trai trẻ, các bậc anh hùng quân tử chưa lộ được chân tướng, thôi thì tốt nhất hãy chọn những người con nhà dòng dõi danh giá hay cha mẹ là người hiền đức, vì :
*Mạch trong nước chảy ra trong
Thế nào đi nữa con dòng cũng hơn.
Và
Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.*

Dầu gì thì nàng cũng mong lấy được người xứng đôi vừa lứa với mình:
*Đào tơ sen góc xanh xanh
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.
Cho hay tiên lại gặp tiên
Phượng hoàng há dễ đứng bên đàn gà.*

Và có lấy được chồng xứng đáng như thế mới bỏ công trang điểm bấy lâu:
*Lấy chồng cho đáng tấm chồng
Bỏ công trang điểm má hồng răng đen.*

Ngay cả những cô gái sống trong gia đình nghèo hèn, tâm thường cũng ước ao lấy được người chồng có dăm ba chữ trong bụng, hơn là hạng giàu có vô học:

*Chẳng tham vừa lúa anh đầy
Tham dăm ba chữ cho tay thế gian.*

Thế rồi một ngày kia cơ duyên đưa đến, nàng đã gặp người trong mộng của mình:

- Có thể do cùng làm việc với nhau:
*Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.*
- Có thể do bạn bè giới thiệu :

*Ấy ai dắt mối tơ lành
Cho thuyền quen bến, cho anh quen nàng.*

- Có thể gặp nhau nơi hội hè đình đám:

*Trèo lên quan đốc
Ngồi gốc cây đa
Ai xui cho đôi mình gặp
Xem hội cái đêm hôm rằm,
rằm tháng giêng.*

- Cũng có thể do sự tình cờ mà hội ngộ:

*Mưa từ trong núi mưa ra
Mưa khắp thiên hạ mưa qua chùa Thầy.
Đôi ta bắt gặp nhau đây
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang.*

Hai bên, chàng cũng như nàng đang thời mơ hoa, đang khao khát tìm kiếm người tình trong mộng, nay bắt gặp nhau “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, tiếng sét ái tình tự nhiên phải đến, làm sao tránh khỏi :

*Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng
Khác nào như thể phượng hoàng
gặp nhau.*

Sau đó, người con trai đã kiếm có mời trâu để làm quen:

*Gặp nhau ăn một miếng trâu
Gọi là chút nghĩa về sau mà chào.*

Rồi tỏ tình, cầu duyên:

*Vôi nong trâu thăm ai ơi
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

Nhưng sống trong xã hội theo Nho giáo kiến xưa, sự tự do luyện ái, tự do hôn nhân không được chấp nhận, lại thêm bản tính người con gái nhút nhát e thẹn, nên dù trong lòng đã yêu ai:

*Từ khi gặp mặt giữa đàng
Thiếp quyết yêu chàng, cha mẹ
nào hay.*

Nàng vẫn phải sống trong vòng lễ giáo, chờ đợi cha mẹ quyết định cuộc hôn phối cho mình :

*Phụ mẫu sở sanh
Để phụ mẫu định.
Trong việc vợ chồng
Chờ lệnh mẹ cha.*

Thế nên, nàng chỉ biết chiều chiều trong những lúc thư nhàn âm thầm nhớ ai, cùng ôn lại những kỷ niệm của ngày tao ngộ :

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người quân tử khăn điều vắt vai.*

Hay trong khi làm việc, chợt nhớ đến chàng thì nàng không khỏi ngừng thoi mơ mộng:

*Đêm khuya dệt cửu tư vàng
Chợt nhớ đến chàng, cửu lại dừng thoi.*

Và không thể không thăm ước mơ:
*Anh còn son, em cũng còn son
Ước gì ta được làm con một nhà.*

Rồi một ngày đẹp trời nào đó, chàng đã tìm đến làm quen với gia đình. Ôi làm sao nói xiết được nỗi vui mừng của nàng lúc ấy. Nhưng vì sợ cha mẹ, bạn bè đoán biết tình ý đôi bên, sẽ có thành kiến xấu, nên chàng và nàng chỉ dám thoáng đưa mắt nhìn nhau :

*Yêu nhau con mắt liếc qua
Sợ chúng bạn biết, sợ cha mẹ ngờ.*

Song trong khoảnh khắc mà bốn ánh mắt gặp gỡ đó, họ đủ gửi cho nhau bao nhiêu tình ý thiết tha. Từ đấy chàng chăm chỉ qua lại thăm viếng gia đình nàng, và dần dần chiếm được cảm tình của song thân nàng:

Nắng mưa thì giếng nắng đầy

Anh năng đi lại mẹ thấy năng thương.

Nàng nhận thấy, cha mẹ nàng không chỉ có cảm tình với chàng ,mà còn lộ ý sẽ tán thành cuộc hôn nhân duyên đôi lứa, từ đó nàng mới mạnh dạn tiến xa hơn trong cuộc tình.

Lúc chưa chọn được đối tượng thì nàng băn khoăn, lo lắng; khi chọn được rồi thì tình yêu của nàng rất mực lãng mạn, thắm thiết. Nàng những ước mong được gặp ai luôn :

*Ước gì sông hẹp một gang
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.*

Hình ảnh người yêu đã chi phối tất cả tâm hồn nàng. Tình yêu như có phép màu làm thăng hoa cuộc sống; nhan sắc nàng bỗng đẹp rộ lên, đôi mắt thêm long lanh, nét mặt thêm rạng rỡ, má thêm đỏ, tóc thêm mượt :

*Vì chưng ăn miếng trầu anh
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ...*

Từ khi có tình yêu, cuộc sống của nàng trở nên rộn rã khác thường. Không gian cũng tràn ngập yêu thương, mọi vật vô tri hiện diện chung quanh nàng đều trở nên có ý nghĩa , chúng như có linh hồn, chia sẻ với nàng từng phút giây hạnh phúc:

*Chén tình là chén say sưa
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu
Lược tình em chải trên đầu
Gương tình soi mặt lầu lầu sáng trong.*

Nàng mong sớm có ngày, chàng và nàng sẽ bên nhau trong cuộc sống thân cận lứa đôi :

*Ước sao ăn ở một nhà
Ra vào đụng chạm kéo mà nhớ thương.*

Trí tưởng tượng của nàng còn vẽ phóng ra một cuộc sống vợ chồng tràn ngập hạnh phúc. Trong đó, cuộc sống của nàng gắn bó thiết tha với cuộc sống của chàng :

*Cái quạt mười tám cái nan
Ở giữa phết giấy hai nan hai đầu
Quạt này anh để che đầu
Đêm đêm đi ngủ chung nhau quạt này.
Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân
Rời ra chung gối chung chăn
Chung quần chung áo chung khăn đội đầu.
Nằm thì chung cái giường tàu
Dậy thì chung cả hộp trầu ống vôi
Ăn cơm chung cả một nồi
Gội đầu chung cả dầu gội nước hoa
Chải đầu chung cái lược ngà
Soi gương chung cả cành hoa giắt đầu.*

Trong những ngày tháng yêu đương thơ mộng đó, khi được dịp gần gũi bên người tình, nàng sẵn sóc chàng một cách tình tứ :

*Thương chàng tha thiết, thiết tha
Áo em hai vạt trải ra anh ngồi.*

Và nàng đã âu yếm mời chàng những miếng trầu tình nghĩa. Nàng giải thích cho bạn tình hay, nàng đã tẽm những miếng trầu đó thật đặc biệt, dành riêng cho chàng, trong đó gói ghém bao nhiêu tình ý mặn nồng.

Đối với nàng, miếng trầu lúc này không chỉ là một vật chất đơn thuần mà là một biểu hiện của tình yêu. Nói khác đi, nó chính là tình yêu của nàng đã hóa thân:

*Trầu này trầu tính trầu tình
Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình, trầu ta.
Trầu này tẽm tới hôm qua*

Dấu cha, dấu mẹ đem ra cho chàng.

Suốt thời gian này, nàng và người yêu đã có với nhau khá nhiều kỷ niệm nên thơ. Trong đó, mỗi cảnh sắc thiên nhiên họ cùng nhìn ngắm; mọi nơi chốn họ đã đi qua... không những là chứng nhân cho cuộc tình này, mà còn là đơn vị để so sánh thực tại tình yêu của họ :

*Nước sông Tô vừa trong, vừa mát
Em ghé thuyền vào đỗ sát thuyền anh.
Dừng chèo muốn ngó tâm tình
Sông bao nhiêu nước thương mình
bấy nhiêu.*

Tình yêu của nàng và chàng đã chan hòa trong không gian, tràn ngập trên cây cỏ... Dưới con mắt yêu đương của nàng, giữa không gian và tình người không có biên giới nữa; nàng không còn nhận biết, tình yêu của nàng bát ngát mênh mông như đồng lúa, hay đồng lúa mênh mông bát ngát như tình yêu của nàng :

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng
thấy mênh mông bát ngát
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng
thấy bát ngát mênh mông.*

Rồi tới một ngày nào đó chàng phải rời xa, phải trở về cố hương. Vì quá quyến luyến ai, nàng thường viện cớ này cớ nọ, năn nỉ chàng nán lại :

*Gió vàng hiu hắt đêm thanh
Đường xa, dậm vắng xin anh đừng về.
Nếu không thểặng đừng, nàng
tha thiết xin chàng :*

*Chàng về để áo lại đây
Phòng khi em nhớ cầm tay đỡ buồn.*

Nàng quá bịn rịn nên chi đã ba phen lên ngựa, chàng vẫn chưa thể dứt áo mà đi:

*Ba phen lên ngựa ra về
Cầm cương níu lại xin đề câu thơ.
Câu thơ ba bốn câu thơ
Câu đợi, câu chờ, câu nhớ, câu mong.*

Trong giây phút từ ly ấy, nàng không quên dặn dò khích lệ chàng, hãy vững lòng tin ở tương lai tốt đẹp, mà cố gắng thuyết phục cha mẹ chấp nhận cuộc hôn nhân này :

*Anh về em nắm cổ tay
Em dặn câu này anh chớ có quên
Non sông đã nặng lời nguyện
Đừng non tay lái cho thuyền lật ngang
Muốn sang, khảm cổ mà sang.*

Riêng nàng xin hứa, sẽ một lòng gìn vàng, giữ ngọc đợi người :

*Duyên đôi ta thề nguyện từ trước
Biết bao giờ ta được cùng nhau.
Tương tư mắc phải mối sầu
Em đây vẫn giữ lấy màu đợi anh.*

Không chỉ riêng nàng, cả chàng cũng nguyện giữ mình trong sạch, chờ ngày thành hôn :

*Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.*

Lời cuối cho chàng là nỗi băn khoăn không biết bao giờ chàng trở lại
*Nhạn về bể bắc nhận ơi
Bao thuở nhận hỏi để ến đợi trông?*

Giờ đây chàng đã thực sự lên đường. Nàng tiễn đưa ai bằng hai hàng nước mắt :

*Đưa nhau một bước lên đường
Cỏ xanh hai dãy mấy hàng châu sa.*

Và nàng còn đứng nhìn với theo
mãi cho tới khi bóng chàng khuất hẳn,
chỉ còn đây một mình nàng nhỏ bé, cô
đơn trước không gian bao la, sông
nước mênh mông, rừng cây thăm thẳm:

*Anh đi em một ngó chừng
Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng sâu.*

Và từ đó, nổi nhớ, niềm thương
không lúc nào nguôi ngoai :

*Một thương, hai nhớ, ba sầu
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi.
Thương chàng lấm lấm chàng ơi
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than.*

Tâm sự riêng của nàng không thể
bày tỏ cùng ai, có chăng là ngọn đèn
dầu trong đêm khuya khoắt. Thương
thay ! ngọn đèn cũng đã tắt lụi để mình
nàng cô đơn, vò vố, gặm nhấm mối
sầu xa cách :

*Đêm khuya thắp chút dầu dư
Tim lan cháy lụn, sầu tư một mình.*

Tin tức của ai một ngày một vắng,
nhưng nàng đã quyết tâm đợi chờ :

*Sông sâu cá lội mất tăm
Chín tháng cũng đợi, một năm cũng chờ.*

Và :

*Dầu xa, dầu cách mấy năm
Nhưng em cũng phải chí tâm đợi chàng.*

Rồi :

*Một chờ, hai đợi, ba trông
Bốn thương, năm nhớ,
bảy tám chín mong, mười tìm.*

Vâng, đúng thế :

*Thương nhau nên phải đi tìm
Nhớ nhau một lúc như chim lạc đàn.*

Nhưng nàng là phận gái, đâu dám
phiêu lưu ? Chỉ biết ao ước :

*Ước gì có cánh như chim
Bay cao, liệng thấp đi tìm người thương.*

Và ngày ngày dõi nhìn về hướng
chàng đi để mong thấy bóng ai về.
Nhưng than ôi:

*Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời, chẳng thấy người thương.*

Nhiều lúc quá tủi thân, nàng tìm
một xó vắng ngồi khóc, để mặc cho hai
hàng nước mắt dầm dề tuôi rơi:

*Nhớ ai em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt dầm dề như mưa.*

Trong đám chị em bạn bè, có người
biết được tình cảnh thương nhớ, đợi chờ
của nàng, đã lên tiếng khuyên nhủ :

*Duyên kia ai đợi mà chờ
Tình kia ai tưởng mà tơ tưởng tình?*

Nhưng nàng không muốn nghe,
một mực khẳng định :

*Tôi thương người ấy nhiều nhiều
Người ấy thương lại bao nhiêu mặc lòng.*

Nàng vẫn thầm hỏi , ai kia còn nhớ
đến nàng chẳng? Riêng nàng, nguyện
một dạ thủy chung đợi chờ:

*Thuyền ơi có nhớ bến chẳng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

*

Thời gian lặng lẽ trôi qua, rồi một
ngày kia chàng trai đã thực hiện được
giấc mộng của đời mình:

*Nhờ ơn cô bác giúp lời
Chị em giúp của, ông trời định đời.*

Chàng được cha mẹ chấp thuận
trở lại chốn cũ, cưới người tình xưa.
Sau khi đã đủ lễ bộ “Tiền cưới trao tay”,
“Tiền cheo rắp nước”, chàng đã
được phép đón dâu đi.

Khao khát là thế, chờ đợi là thế mà
khi xuất giá vu qui, người thiếu nữ phải

rời xa cha mẹ, rời xa mái nhà thân yêu,
đã không khỏi ngậm ngùi lưu luyến :

Ra đi ngó trước ngó sau

Ngó nhà mấy cột, ngó cau mấy buồng.

Nhưng :

Thuyền phải theo lái, gái phải theo chồng

Chồng đi hang rấn hang rỗng cũng theo.

Nay lấy được người chồng yêu
thương, xứng ý vừa đôi là nàng đã
được an ủi rất nhiều.

Về đến nhà chồng, khi tiệc tùng đã
xong, bà con cô bác đã ra về . Trong
phòng riêng chỉ còn nàng đối diện với
người thương, nói làm sao xiết cái
hạnh phúc của vợ chồng nàng trong
đêm tân hôn ấy.

Chúng ta thử tưởng tượng một
mẫu đối thoại dí dỏm của cô dâu chú
rể trong đêm động phòng hoa chúc. Cô
dâu e lệ hỏi chú rể :

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng

Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?

Chú rể sung sướng hiêu hiêu đắc
chí trả lời :

Trầu vàng nhá với cau xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời !

Sau đó, chàng bắt đầu nịnh vợ
nhưng rồi lại hơi tỏ ý ghen bóng ghen
gió. Thật ra, đây chỉ là một cách nói
làm duyên với cô vợ mới cưới mà thôi:

Cổ tay em trắng lại tròn...

(Hử !...)

Để cho ai gói đã mơn một bên?

Cô dâu hẳn sẽ trả lời, đại khái là :

Thân em như tấm lụa đào

Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai.

Dù đã biết chắc tình yêu tuyệt đối
thủy chung của vợ, chàng vẫn muốn
được nàng xác định một lần. Sau khi
đã thỏa lòng mong đợi, chàng sung
sướng tận hưởng cái hạnh phúc đầu
gối tay ấp của mình :

Gối chẵn gối chiếu không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay em !

Và hai vợ chồng nàng cùng mãn
nguyện cho cuộc hôn phối tốt đẹp này:

Anh lấy được em, bỏ công ao ước

Em lấy được anh, thỏa dạ ước ao !

(còn tiếp)

Phạm Thị Nhung
(Paris)



NỤ HÔN

1

Dù chưa trọn kiếp bên nhau,
cũng không quên được
những gì em trao.

2

Trái quý em cho, ngọt giọng mời
và môi em - một loài trái ngọt
Nụ hôn đầu,
In dấu tận hồn tôi.

3

Dòng đời xuôi ngược như con nước,
Tôi - kẻ đầu tiên đẩy mũi sào.
và chẳng muốn rời em nửa bước,
trời Seattle, đêm ấy rất nhiều sao.

4

Mỗi năm nhớ đến quà sinh nhật,
tôi viết gì đây cho hình tượng xa xăm.
Đêm cúi xuống hôn môi người đối mặt,
và gọi gió về làm giông bão chỗ nằm...

5

Đêm sinh nhật,
Nhớ về em
Nụ hôn trinh nữ - đến nay còn thềm.

VIỆT BẰNG

(California)

CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI

Gửi Thái Phượng

Em đến bên anh bất ngờ như
cơn gió thoảng
Anh xao xuyến bàng hoàng như
thuở mới lớn lên
Những giây phút bên nhau thần tiên
như ảo mộng
Giờ xa nhau rồi biết ai còn nhớ ai không?
Nhớ môi ai thơm nồng như phấn thông
trong gió
Nhớ ánh mắt ai nhìn như bỏ ngỏ con tim
Cho cả thế giới biết rằng tôi đang yêu đó
Cho đến cuối cuộc đời chỉ có
một người thôi

HỒNG THỦY

(Maryland)



THÁI PHƯỢNG

(Richmond, VA)

BÀI VÈ

Lê Thương

Hôm nay, Hạnh cũng lại tới lớp sớm mười lăm phút, trong khi chờ đợi các em học sinh đến đông đủ, nàng lấy bài giảng về “Bài Vè” đọc lại thêm một lần nữa. Hạnh tình nguyện dạy Lớp Việt Ngữ này vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, mỗi ngày hai tiếng. Nghe đâu, ở các tiểu bang khác cũng như ở các nước có người Việt cư ngụ đều có mở các lớp Việt Ngữ để dạy Tiếng Việt cho các em và dạy lịch sử để các em nhớ nguồn gốc quê hương, tổ tiên mình.

Hạnh trầm nghĩ tiếng Việt của dân tộc ta dồi dào, phong phú quá, từ các tác phẩm văn xuôi như Trống Mái, Đò Dọc, Chú Tư Cầu... đến các tác phẩm văn vần với những câu Kiều bất hủ, những câu Cung Oán nã nê, những lời Chinh Phụ Ngâm buồn vơi vợi... cho đến những vần ca dao ngọt ngào mà mỗi lần ngâm lên là tình cảm đậm đà, lai láng len lén len lỏi vào tim:

Ta yêu mình lắm mình ơi!

Yêu mình tình nét con người giống ta.

Yêu mình như thể yêu hoa,

Biết rằng mình có yêu ta chẳng mình?

Bất giác, một ý nghĩ hơi lãng mạn rón rén vào tâm hồn khi Hạnh mừng tượng đến hình ảnh Anh Vọi đang kéo lưới trong “Trống Mái” của Khải Hưng; Anh Xòn đang kéo nước tưới thuốc trong “Đò Dọc”

của Bình Nguyên Lộc và Anh Tư Cầu đang chần vọt trong “Chú Tư Cầu” của Lê Xuyên khiến đôi má ửng hồng, nàng tự bẽn lẽn với chính mình.

Tiếng ồn ào của các em kéo Hạnh về với thực tại, nàng đứng lên đến bên bàn viết, lấy thước gõ mấy nhịp lên bàn để các em ngồi yên, đoạn bắt đầu bài học:

- Hôm nay, chúng ta học về những “bài vè”...

Nói đến đây, Hạnh nhìn xuống lớp thấy các em đưa mắt ngó nhau ra vẻ không hiểu, chợt Khánh giơ tay lên, Hạnh ôn tồn:

- Khánh, em có điều gì cần hỏi?

- Thưa cô, “bài vè” là bài gì vậy?

Với cử chỉ khoan thai, Hạnh ra dấu cho em Khánh ngồi xuống rồi đáp:

- Vè là những câu hát bắt vần của đồng bào bình dân ta ở chốn thôn dã để khi chèo ghe, lúc kéo lưới, khi gặt lúa, trồng khoai, tát đĩa... họ cùng nhau hát lên hầu quên đi sự mệt nhọc, vất vả mà vẫn không kém phần thi vị. Rồi những lúc rỗi rãi, người dân nơi thôn quê lại sáng tác thêm những bài vè mới, truyền khẩu khiến cho kho tàng văn học bình dân của ta cứ ngày một thêm phong phú, sống động. Vè có nhiều loại như vè chúc tết, vè lịch sử, vè về các anh hùng dân tộc, vè về tình tự quê hương, vè chim muông, vè cá, vè bánh, vè trái cây...v...v... Hôm nay, chúng ta sẽ học một số trong các bài vè nói trên. Trước tiên, để cô hát bài vè về chim cho các em nghe:

Về Chim

Nghe về nghe ve, nghe về cảm thú,

*Hay quynh hay dụ là nàng Chim Quyên.
Nét ở chẳng hiền là anh Cồng Cọc
Làm ăn mệt nhọc là chim Le Le,
Nghe về nghe ve con chim Chèo Bẻo.
Chun đi khắp khổ là chàng Cò Ma,
Tối chẳng dám ra là chị Mỏ Nhát.
Chim ăn từng vạc là đám Chàng Bè,
Kiếm ăn xó hè là chim Lánh Lót.
Cầm sào mà dọt là nàng Chim Công,
Đỏ mỏ xanh lông là chị Chim Trĩ.
Đánh nhau binh bị là chim Bò Sau,
Cỏ sách cầm màu là chim Thầy Bói.
Không ai cười hời là chị Bông Lông,
Ở giá không chồng, Te Te Hoàn Hoạch.
Dạ bèn cầm sắt là nàng Chia Vôi,
Nói láo không thôi là anh Chim Vịt...*

Hạnh hát xong bài về về chim, cả lớp nhao nhao:

- Nghe nó có vắn hay quá cô hén!
- Cô hát nữa cho chúng em nghe đi...
- Cô sẽ hát nữa, nhưng mà cô hát rồi các em phải nhớ, phải thuộc lòng và hát lại cho bạn bè nghe mới được. Bây giờ cô sẽ hát tiếp bài về về cá:

Về Cá

*No lòng chặt dạ là con Cá Cơm,
Không ướp mà thơm là chú Cá Ngát.
Bay cao bay thấp là nàng Cá Chim,
Hụt cẳng chết chìm là anh Cá Đuối.
Lâu năm nhiều tuổi là Cá Bạc Đầu,
Đủ chữ xứng câu là con Cá Đồi.
Nở mai, tàn tối là Cá Vá Hai,
Trắng nuốt béo dài là Cá Út Thịt.
Dài lưng hẹp kích là Cá Lòng Tong,*

*Ốm yếu hình dong là con Cá Nhái.
Đúng lời van vái là con Cá Linh,
Mập xác tày đình là Cá Nhà Táng.
Cứu dân thoát nạn là Cá Ông Voi,
Lắm râu nhiều vôi là con Cá Mực.
Ở đầm ở vực là chú Cá Trê,
Chợ búa ê hề là loài Cá Lóc.
Nhảy như con cóc là chú Cá Kèo,
Lặn đuối trèo đèo là con Cá Lặng.
Đớp móng lặn tăn là loài Cá Rô,
Làm mắm, làm khô là con Cá Sặt.
Tuom tắt ăn mặc là chị Cá Bông,
Lặn lội lòng vòng là con Cá He.
Tránh né chàng bè là con Cá Chốt...*

Hạnh vừa hát xong, các em lại ồn ào lên:

- Hay quá! Cô hát hay quá à!
- Cô Hạnh của mình hát hay như ca sĩ...

Nghe các em bình phẩm, Hạnh mỉm cười rồi đáp:

- Không phải cô hát hay đâu mà tại bài về hay. Các em thấy chưa, tiếng Việt của mình hay, đẹp, ngọt ngào, dồi dào, phong phú như vậy đó. Cho nên các em phải rón học để đừng quên tiếng Việt của mình hầu khi lớn lên các em có dịp thưởng thức những tinh hoa của tiếng Việt ta. Bây giờ cô hát tiếp bài về về bánh...

Hạnh chưa dứt lời, đầu đó trong lớp có tiếng vắn vơ:

- Em thích bánh lắm.
- Rồi bé Phượng buột miệng:
- Vâng, em cũng thích bánh lắm.

Em Hiền lại tiếp theo:

- Em cũng vậy, em cũng thích bánh lắm!

Nghe về ngây thơ của các em, lòng Hạnh dâng lên một niềm triu mến vô bờ bến, rồi mỉm cười nghĩ thầm: “Bánh này là bánh của bài hát chứ không phải bánh thiệt đâu mà mơ”, Hạnh lại tiếp tục bài học:

Về Bánh

*Tròn như mặt trăng, vốn thiệt Bánh Xèo,
Có cười có cheo, chính là Bánh Hời.
Đi mà không giới, đó là Bánh Bò,
Ăn chẳng đặng no, nó là Bánh Ít.
Ít xích ra nhiều, ấy là Bánh In,
Mập chẳng muốn nhìn, ấy là Bánh Ú.
Căng lên chưa đủ, nó là Bánh Phồng,
Nổi chìm dưới sông là Bánh Trôi Nước.
Biết đi, biết bước vốn thiệt Bánh Chung,
Có ním trên lưng là Bánh Ngự Đệ.
Mật đường đem chế thành Bánh Da Trời,
Để đĩa đem mời, Bánh Trong, Bánh Lọc.
Cay gân muốn khóc vốn thiệt Bánh Gừng,
Lạt cột trên lưng, nó là Bánh Tét.
Bón căng hay lét, chính thiệt Bánh Quy,
Hay nẻ hay vì là Bánh Xôi Vịt.
Bỏ vỏ trong bì, vốn thiệt Bánh Bao,
Trong sáng như sao là Bánh Bột Báng.
Tròn như viên đạn, chính thực Bánh Cam,
Ăn ở chàm bàm ấy là Bánh Ổ.
Tròn mà lỗ đỏ, nó là Bánh Căng,
Đầy mình có răng là Bánh Da Lợn.
Mạt gai lợn cợn vốn thiệt Chè Khoai,
Ăn vô ngựa hoài, nó là Bánh Dừa.
Lấy chông có chừa, vốn thiệt Bánh Bâu,
Xe nhợ đi câu là Bánh Bao Chỉ.
Hấp ra nhỏ tí, vốn Bánh Ít Trần,
Phơi để ngoài sân, nó là Bánh Tráng.*

*Giữa rằm tháng tám là Bánh Trung Thu,
Say sưa gât gù, chính là Xôi Rượu...*

Hết bài hát lại cảnh lao nhao, các em hỏi về các thứ bánh làm Hạnh trả lời bất mệt. Chợt Hải đưa tay lên hỏi:

- Thưa cô, bộ bánh dừa ăn vô ngứa lắm hả cô?

Hạnh bật cười thành tiếng rồi đáp gọn lòn:

- Ai biết đâu nà!

Bé Việt móm ý:

- Em về hát những bài về này cho ba má em nghe.

Hạnh mỉm cười đáp lời Việt:

- Chưa chắc đâu nghe, có thể ba má của các em đã thuộc hết những bài về này rồi, không những thế, ba má các em còn hát cho các em nghe những bài về khác còn hay hơn nữa kia.

Liếc nhìn đồng hồ, sắp sửa hết giờ, Hạnh giục các em:

- Để cô hát một bài nữa cho các em nghe rồi mình về, hết giờ rồi.

Lại một cánh tay đưa lên, Thùy Dương với giọng Huế rặc, rất dễ thương:

- Thưa cô, lần này cô hát về bánh nữa phải không cô?

Hạnh đáp lời Thùy Dương, giọng vừa giễu cợt vừa âu yếm:

- Thôi, bánh như vậy đủ rồi, Thùy Dương thích ăn trái cây không? Xứ của mình nhiều trái cây lắm, để cô hát tiếp cho mấy em nghe:

Về Trái Cây

Nghe về nghe về nghe về trái cây,

*Dây ở trên mây là Trái Đâu Ròng.
Có vợ có chồng là Trái Đu Đủ,
Bỏ ra nhiều mũ là Trái Mít Ướt.
Hình tựa gà xước, vốn thiệt Trái Thơm,
Cái đầu chom bom đúng là Bắp Nấu.
Hình thù rất xấu là Trái Mắt Mèo,
Cả đời lo nghèo là Trái Bàn Ổi.
Sông sâu chẳng lội là Trái Mãng Cầu,
Chẳng thấy nàng dâu thiệt là Trái Cách.
Trong ruột óc ách, vốn thiệt Dừa Xiêm,
Hễ chín thâm kim, Chuối Già, Chuối Sứ.
Tam tung, tứ tự là Trái Dưa Gang,
Bí ngô Miền Nam, vốn là Bí Rợ.
Mẹ sai đi chợ, vốn thiệt Trái Dâu,
Ở những ao sâu, đúng là Bông Sung.
Chẳng lên lẽ cùng, vốn thiệt Trái Sung,
Nhỏ mà cay lung là Trái Ót Hiểm.
Liếm thử chua lè, chính thiệt Trái Me,
Nặng chẳng cần che, vốn là Rau Mát.
Bóp nắn chà xát, ấy là Trái Chanh,
Nhỏ mà làm lạnh là Đào Lộn Hột.
Chặt đầu mà lột là Trái Bưởi Chua,
Bán chẳng ai mua là Trái Cứt Quạ.
No lòng phí dạ là Trái Chuối Cơm,
Xắt để chom bom thiệt là Trái Khế.
Thất tình, thất thế là Trái Khổ Qua,
Ăn ỉa không ra là Trái Chuối Hột.
Vỏ chẳng cần lột, vốn thiệt Hột Tiêu,
Thối có vẫn diệu là Trái Cóc Kèn.
Rủ nhau đi rền là Trái Đậu Rựa,
Đua nhau chọn lựa chính Trái Đành Đành.
Cam Giấy, Cam Sành, Chuối Già, Chuối Sứ,
Nhưng không lịch sự bằng Táo với Hồng.
Những gái chưa chồng muốn ăn mua lấy...*

Trước khi tan học, Hạnh phát cho mỗi em học sinh một bản “copy” của các bài về để các em đem về nhà học.

Trên đường về, Hạnh mỉm cười khi nghĩ đến buổi học khá vui hôm nay và những khuôn mặt thơ ngây dễ thương của các em. Rồi nàng lại nghĩ thầm: “Tiếng Việt ta từ văn chương bác học cho đến văn chương bình dân đều đậm đà, phong phú. Các xã hội Tây phương có những ưu điểm riêng của họ nhưng truyền thống văn hóa hơn 4.000 năm của con Rồng cháu Tiên cũng có những giá trị tinh thần dồi dào, đáng được bảo tồn và gìn giữ. Chính vì thế mà các nhà văn hóa, các học giả, các nhà văn, nhà thơ, nhà báo... của ta ở hải ngoại ngày đêm nỗ lực bảo tồn và nuôi dưỡng những tinh hoa này. Không những bảo tồn và nuôi dưỡng mà họ còn cố gắng phát triển nữa. Họ là những chiến sĩ cầm bút đang âm thầm chiến đấu trên mặt trận văn hóa ở hải ngoại. Họ mang trên vai một trách nhiệm đối với gia tài văn hóa Việt to lớn mà thời gian, quãng đường sẽ làm cho trách nhiệm này mỗi ngày một nặng hơn...” Đang miên man với những ý nghĩ trên, bỗng Hạnh vượt đèn đỏ..., nàng giật mình ngó dáo dác chung quanh, nhưng cũng may không có thầy Cảnh Sát nào ở gần đó!

Lê Thương

Richmond - Virginia - 08-2009